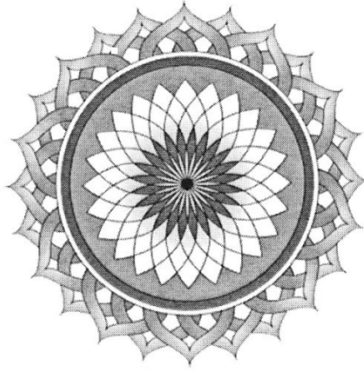


**Kinh Kim Cang**  
**Bát Nhã Ba La Mật Đa**

Biên soạn và lược giải



**Phật Quốc Thanh Tịnh Tâm**  
**Maitreya Buddha Meditation Center**

**310 E. Red Bird Lane, Duncanville, TX. 75116**  
**D.T. 972-709-5685**



## **Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Chánh văn**

### *Phần Một*

*Tôi nghe như vậy: Có một lần, Phật ngụ tại đô thành Xá vệ, trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Đại Tỷ kheo. Lúc ấy gần đến bữa ăn, đức Thế Tôn mặc áo, ôm bát, đi vào thành Xá vệ khát thực. Sau khi theo thứ tự ghé từng nhà khát thực, ngài trở về chỗ ở. Dùng trai xong, ngài xếp dẹp y bát, rửa chân, rồi trải tọa cụ mà ngồi.*

***I. Tu bồ đề hỏi Phật: Trưởng lão Tu Bồ Đề ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo tay phải, quỳ gối chân phải, chắp tay cung kính bạch Phật rằng:***

***- Hy hữu Thế Tôn! Như Lai khéo hộ niệm cho các Bồ tát, khéo phó chúc cho các Bồ tát. Bạch Thế Tôn! Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trụ tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?***

***Phật bảo:***

***Lành thay! Lành thay! Tu Bồ Đề! Theo như nơi nói, Như Lai khéo hộ niệm cho các Bồ tát, khéo phó chúc cho các Bồ tát. Nay người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người nói rõ. Những thiện nam tín nữ phát tâm***

*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trụ tâm như vậy, hàng phục tâm như vậy.*

*- Bạch Thế Tôn, con rất mong được nghe.*

*Phật bảo Tu Bồ Đề:- Các Bồ tát Ma Ha Tát nên hàng phục tâm như vậy: Tất cả các loài chúng sinh, hoặc noãn sanh, hoặc thai sanh, hoặc thấp sanh, hoặc hóa sanh, hoặc hữu sắc, hoặc vô sắc, hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng, ta đều khiến vào Vô Dư Niết bàn mà diệt độ. Diệt độ vô lượng vô số chúng sinh như thế, mà thật ra chẳng có chúng sinh nào được diệt độ cả. Tại sao? Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng ắt chẳng phải Bồ tát.*

*II. - Lại nữa, Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi các pháp, ưng vô sở trụ mà hành việc bố thí, tức là chẳng trụ sắc bố thí, chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ tát bố thí nên chẳng trụ nơi tướng như thế. Tại sao? Nếu Bồ tát chẳng trụ nơi tướng bố thí thì phước đức chẳng thể suy lường.*

*- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Hư không bên phương đông có thể suy lường chăng?*

*- Bạch Thế Tôn, không.*

*- Tu Bồ Đề! Hư không bên các phương nam, tây, bắc và trên, dưới có thể suy lường được chăng?*

*- Bạch Thế Tôn, không.*

**- Tu Bồ Đề! Bồ tát bố thí chẳng trụ nơi tướng, phước đức cũng như vậy, chẳng thể suy lường. Tu Bồ Đề! Bồ tát cần an trụ tâm như ta đã bảo.**

**III. - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ thân tướng mà thấy Như Lai chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không. Chẳng thể nhờ thân tướng thấy được Như Lai. Tại sao? Như Lai nói thân tướng tức phi thân tướng.**

**Phật bảo Tu Bồ Đề: - Phàm tất cả tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng phi tướng, tức là thấy Như Lai.**

**IV. Tu Bồ Đề Thưa rằng:**

**- Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh được nghe những lời nói, văn tự kể trên có thể sanh lòng tin chơn thật chăng?**

**Phật bảo:**

**- Tu Bồ Đề, đừng nói vậy! Sau khi Như Lai diệt độ năm trăm năm về sau, từ tượng pháp cho đến mạt pháp, nếu có người tu phước trì giới đối với lời nói, văn tự kể trên được sanh lòng tin, cho đó là thật. Phải biết người ấy đã nghe lời nói văn tự này, cho đến được một niệm sanh khởi lòng tin trong sạch, là vì đã từng gieo trồng thiện căn nơi muôn ngàn vô lượng Phật, chứ chẳng phải gieo trồng thiện căn nơi một Phật, hoặc ba, bốn, năm Phật. Tu Bồ Đề! Như Lai biết rõ, thấy rõ những chúng sinh ấy được vô lượng phước đức như thế. Tại sao? Vì những chúng**

*sinh ấy chẳng còn có ngã tướng, nhưn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, chẳng chấp pháp tướng, cũng chẳng chấp phi pháp tướng. Tại sao? Vì những chúng sinh ấy nếu khởi tâm chấp tướng (tiền trần) tức là dính mắc bốn tướng ngã, nhưn, chúng sinh, thọ giả. Nếu chấp pháp tướng (pháp trần) cũng là dính mắc bốn tướng ngã, nhưn, chúng sinh, thọ giả. Nếu chấp phi pháp tướng (là bóng phân biệt của pháp trần), cũng là dính mắc bốn tướng ngã, nhưn, chúng sinh, thọ giả. Vì thế chẳng nên chấp pháp, chẳng nên chấp phi pháp. Do nghĩa này Như Lai thường nói: Các Tỳ Kheo phải biết lời thuyết pháp của ta ví như chiếc bè qua sông, đến bờ thì phải bỏ bè; vậy pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp!*

*V.- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng? Như Lai có thuyết pháp chẳng?*

*Tu Bồ Đề đáp:*

*- Như con hiểu nghĩa của Phật nói thì chẳng có pháp nhất định gọi là pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng chẳng có pháp nhất định cho Như Lai thuyết. Tại sao? Vì pháp của Như Lai thuyết đều chẳng thể chấp thật, chẳng thể nói là pháp, là phi pháp hay phi phi pháp. Tại sao? Vì tất cả hiền thánh đều dựa theo pháp vô vi mà nói có sai biệt.*

*VI. - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như có người đem thất bửu đầy khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới dùng để bố thí, người ấy được phước đức nhiều chẳng?*

**Tu Bồ Đề** *đáp:*

- **Bạch Thế Tôn**, rất nhiều. *Tại sao? Phước đức ấy không có tánh chất phước đức, nên Như Lai nói là phước đức nhiều.*

**Phật** *bảo:*

- *Nếu có người thọ trì (tín thọ mà thực hành) Kinh này, cho đến chỉ thực hành theo bốn câu kệ rồi giảng cho người khác nghe, thì phước đức lại nhiều hơn người kia. Tại sao? Tu Bồ Đề! Tất cả chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều từ Kinh này ra. Tu Bồ Đề, gọi là Phật pháp, tức phi Phật pháp.*

**VII. - Tu Bồ Đề!** *Ý người thế nào? Tu Đà Hoàn có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả Tu Đà Hoàn" chăng?*

**Tu Bồ Đề** *đáp:*

- **Bạch Thế Tôn**, không ạ. *Tại sao? Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu mà vô sở nhập; chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là Tu Đà Hoàn.*

- **Tu Bồ Đề!** *Ý người thế nào? Tư Đà Hàm có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả Tư Đà Hàm" chăng?*

- **Bạch Thế Tôn**, không ạ. *Tại sao? Tư Đà Hàm gọi là Nhất Vãng Lai mà thật chẳng vãng lai, ấy gọi là Tư Đà Hàm.*

- **Tu Bồ Đề!** *Ý người thế nào? A Na Hàm có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả A Na Hàm" chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? A Na Hàm gọi là Bất Lai mà thật chẳng phải bất lai, ấy gọi là A Na Hàm.*

- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? A La Hán có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả A La Hán" chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? Thật chẳng có pháp gọi là A La Hán. Thế Tôn! Nếu A La Hán nghĩ rằng "Ta đắc đạo A La Hán", tức là dính mắc bốn tướng ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả. Thế Tôn! Phật nói con đắc Vô Tranh Tam Muội, là hạng nhất trong loài người, là hạng nhất trong bậc ly dục A La Hán. Thế Tôn! Nhưng con nghĩ rằng con là ly dục A La Hán. Thế Tôn, nếu con nghĩ rằng con đắc đạo A La Hán, thì Thế Tôn chẳng nói Tu Bồ Đề là một hành giả thanh tịnh hạnh. Vì Tu Bồ Đề vốn là vô sở hành, nên mới gọi Tu Bồ Đề là hành giả thanh tịnh hạnh.*

## Phần Hai

### VIII. Phật bảo:

- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Xưa kia Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có đắc pháp gì chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, không. Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng thật vô sở đắc.*

- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Bồ tát có trang nghiêm Phật độ chăng? -Bạch Thế Tôn, không. Tại*



*sao? Nói trang nghiêm Phật độ, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.*

*- Cho nên Tu Bồ Đề! Chư Bồ tát Ma Ha Tát nên sanh tâm trong sạch như thế, là chẳng nên khởi tâm trụ sắc, chẳng nên khởi tâm trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp, ưng vô sở trụ mà sanh kỳ tâm (không nên trụ vào đâu mà sanh tâm).*

*- Tu Bồ Đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu Di, ý người thế nào? Thân ấy có đại chăng?*

*- Bạch Thế Tôn, rất đại. Tại sao? Phật nói phi thân thị danh đại thân (Chữ đại ở đây là siêu việt số lượng).*

*IX. - Tu Bồ Đề! Như có nhiều sông Hằng bằng số cát trong một sông Hằng. Ý người thế nào? Số cát ở trong những sông Hằng ấy có phải nhiều chăng? Tu Bồ Đề đáp:*

*- Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Chỉ những sông Hằng ấy cũng nhiều vô số rồi, huống chi là cát.*

*- Tu Bồ Đề! Nay ta nói thật cho nghe, như có thiện nam tín nữ, đem thất bửu chứa đầy các đại thiên thế giới bằng số cát kể trên dùng để bố thí, được phước nhiều chăng?*

*- Bạch Thế Tôn, rất nhiều.*

*Phật bảo Tu Bồ Đề:*

- Nếu có thiện nam tín nữ thọ trì Kinh này, cho đến chỉ thực hành theo bốn câu kệ, rồi giảng cho người khác nghe, thì phước đức lại nhiều hơn người kia.

X. - Lại nữa, Tu Bồ Đề! Bất cứ nơi nào có thuyết Kinh này, cho đến chỉ thuyết bốn câu kệ, phải biết nơi đó tất cả thế gian, trời, người, A Tu La đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật, huống chi có người được thọ trì đọc tụng cả Kinh này. Tu Bồ Đề! Nên biết người ấy thành tựu pháp hy hữu tối thượng hạng nhất. Vậy phàm nơi nào có kinh điển này tức là có Phật, được Phật tử tôn trọng.

XI. Khi ấy Tu Bồ Đề thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên gì? Chúng con phải thọ trì như thế nào? Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Kinh này tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa, người cứ theo tên gọi thọ trì. Tại sao? Tu Bồ Đề, Phật nói Bát Nhã Ba La Mật Đa, tức phi Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị danh Bát Nhã Ba La Mật Đa (đây cũng là tam luân đã được giải ở trên).

- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có thuyết pháp chẳng?

- Bạch Thế Tôn, Như Lai vô sở thuyết.

- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Tất cả vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều chẳng?

Tu Bồ Đề thưa:

- *Bạch Thế Tôn, rất nhiều.*

- *Tu Bồ Đề! Như Lai nói những vi trần ấy tức phi vi trần, thị danh vi trần. Như Lai nói thế giới tức phi thế giới, thị danh thế giới (tam luân). Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ ba mươi hai tướng thấy Như Lai chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, không. Chẳng thể nhờ ba mươi hai tướng thấy được Như Lai. Tại sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức là phi tướng, thị danh ba mươi hai tướng (tam luân).*

- *Tu Bồ Đề! Như có thiện nam tín nữ đem thân mạng nhiều bằng số cát sông Hằng dùng để bố thí; với người thọ trì kinh này, cho đến chỉ thực hành theo bốn câu kệ và giảng cho người khác nghe, thì được phước hơn người kia rất nhiều.*

*XII. Bấy giờ Tu Bồ Đề nghe Phật thuyết Kinh này, hiểu thấu nghĩa thâm sâu, xúc động chảy nước mắt mà bạch Phật rằng:*

- *Hy hữu Thế Tôn! Phật thuyết kinh điển thâm sâu như thế, con từ khi được huệ nhãn đến nay, chưa từng được nghe kinh như vậy. Bạch Thế Tôn! Lại nếu có người nghe được Kinh này lòng tin trong sạch, liền sanh thật tướng, phải biết người ấy thành tựu được công đức hy hữu hạng nhất.*

*Bạch Thế Tôn! Đây nói thật tướng tức là phi tướng, cho nên Như Lai nói giả danh thật tướng.*

*Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe Kinh này tín, giải, thọ trì chẳng cho là khó. Nếu năm trăm năm về sau, đời vị lai có chúng sinh nghe được Kinh này, tín, giải, thọ trì thì người ấy là hy hữu hạng nhất. Tại sao? Vì người ấy vô ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Tại sao? Vì ngã tướng tức là phi tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng cũng là phi tướng. Tại sao? Là tất cả chư tướng, tức gọi là chư Phật.*

*Phật bảo Tu Bồ Đề:*

*- Đúng thế! Đúng thế! Lại nếu có người được nghe Kinh này mà chẳng kinh ngạc, chẳng khiếp sợ, phải biết người ấy rất là hy hữu. Tại sao? Tu Bồ Đề! Như Lai nói đệ nhất Ba La Mật Đa, tức phi đệ nhất Ba La Mật Đa, thị danh đệ nhất Ba La Mật Đa.*

*Tu Bồ Đề! Như Lai nói nhân nhục Ba La Mật Đa, tức phi nhân nhục Ba La Mật Đa, thị danh nhân nhục Ba La Mật Đa . Tại sao? Tu Bồ Đề! Như ta xưa kia bị vua Ca Lợi xẻ nát thân thể, lúc đó ta vô ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Tại sao? Vì xưa kia khi ta bị phanh xé thân thể từng miếng, nếu có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng thì phải sanh tâm sân hận.*

*Tu Bồ Đề! Nhớ lại kiếp quá khứ, ta làm tiên nhân nhục trải qua năm trăm đời, những đời ấy đều vô ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Tu Bồ Đề! Vì thế Bồ tát phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phải lìa tất cả tướng.*

*Chẳng nên sanh tâm trụ nơi sắc, và cũng chẳng nên sanh tâm trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên sanh tâm vô sở trụ; nếu tâm có trụ tức là phi trụ, thì danh tâm trụ.*

*Cho nên Như Lai nói tâm của Bồ tát chẳng nên trụ nơi sắc bố thí, chẳng nên trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ tát vì lợi ích tất cả chúng sinh, cần phải bố thí như thế. Như Lai nói Tất cả các tướng tức là phi tướng, lại nói Tất cả chúng sinh tức phi chúng sinh.*

*Tu Bồ Đề! Như Lai là người chơn ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất cuồng ngữ, bất dị ngữ. Tu Bồ Đề! Pháp của Như Lai chứng đắc, ấy là pháp vô thật vô hư.*

*Tu Bồ Đề! Nếu tâm của Bồ tát trụ nơi pháp mà hành việc bố thí, thì cũng như người vào chỗ tối chẳng thấy gì cả. Nếu tâm của Bồ tát chẳng trụ nơi pháp mà hành việc bố thí, thì cũng như người có mắt dưới ánh sáng mặt trời, tất cả thấy rõ đủ thứ sắc tướng.*

*Tu Bồ Đề! Về đời sau này, nếu có thiện nam tín nữ thọ trì, đọc tụng Kinh này, thì trí huệ của Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đều được thành tựu công đức vô lượng vô biên.*

*XIII. -Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam tín nữ, buổi sáng bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi trưa lại bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi chiều cũng bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, cứ bố thí thân thể như thế cho đến vô*

*lượng trăm, nghìn, muôn ức kiếp. Với người nghe kinh điển này lòng tin vững chắc, thì được phước nhiều hơn người kia, hưởng chỉ lại còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng giải cho người khác nghe.*

*Tu Bồ Đề! Nói tóm lại, Kinh này có công đức vô biên, bất khả tư nghĩ, chẳng thể suy lường. Như Lai vì người phát tâm đại thừa và người phát tâm tối thượng thừa mà thuyết. Nếu có người nào hay thọ trì đọc tụng, phổ biến cho người, thì Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy đều được thành tựu vô biên công đức, bất khả tư nghĩ, chẳng thể suy lường. Những người như thế mới là gánh vác được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai. Tại sao? Tu Bồ Đề! Nếu người ưa pháp Tiểu thừa, dính mắc ngã kiến, Nhơn kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến (chẳng ngoài sáu mươi hai kiến chấp), thì chẳng thể tin thọ, đọc tụng Kinh này và giảng giải cho người khác nghe.*

*Tu Bồ Đề! Bất cứ nơi nào, nếu có Kinh này, tất cả thế gian, trời, người, A Tu La, đều nên cúng dường. Phải biết chỗ đó chính là tháp Phật, đều nên cung kính lễ bái, dùng các thứ hương hoa rải quanh chỗ đó.*

*XIV. - Lại nữa, Tu Bồ Đề! Như thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng Kinh này, nếu bị người khinh rẽ, thì những nghiệp nhân đời trước đáng lẽ phải đọa ác đạo, vì nay bị người đời khinh rẽ, nên những nghiệp nhân đời trước liền được tiêu diệt, lại còn được đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

*Tu Bồ Đề! Ta nhớ đời quá khứ, trước Phật Nhiên Đăng vô lượng vô số kiếp, được gặp tám trăm bốn nghìn muôn ức na do tha chư Phật, ta đều cúng dường thờ phụng, chẳng bỏ sót Phật nào. Lại, nếu có người đời mạt kiếp hay thọ trì đọc tụng Kinh này, được nhiều công đức, đem công đức cúng dường chư Phật của ta so với công đức ấy, chẳng bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn ức, cho đến toán số, thí dụ đều chẳng thể sánh bằng.*

*Tu Bồ Đề! Nếu ở đời mạt kiếp, có thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng Kinh này, được công đức vô lượng. Nếu ta kể ra hết, hoặc có người nghe rồi tâm liền cuồng loạn, nghi ngờ chẳng tin. Tu Bồ Đề! Phải biết ý nghĩa Kinh này bất khả tư nghì, quả báo cũng bất khả tư nghì.*

*XV. Lúc bấy giờ, Tu Bồ Đề thưa rằng:*

*- Bạch Thế Tôn! Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trụ tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?*

*Phật bảo Tu Bồ Đề: - Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên sanh tâm như thế này: Ta phải diệt độ cho tất cả chúng sinh, diệt độ tất cả chúng sinh rồi mà chẳng có một chúng sinh nào được diệt độ. Tại sao? Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng thì chẳng phải Bồ tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Vì thật chẳng có pháp gì để phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

***Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng?***

***- Bạch Thế Tôn, không. Theo con hiểu nghĩa của Phật nói, Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng thật chẳng có đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.***

***Phật bảo: - Đứng thế! Đứng thế! Tu Bồ Đề! Như Lai thật chẳng đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Nếu Như Lai có đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì Phật Nhiên Đăng chẳng thọ ký cho ta rằng: "Về đời sau người sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni." Bởi thật chẳng có đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta rằng: "Về đời sau người sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni." Tại sao? Nói Như Lai tức là các pháp như nghĩa. Nếu có người nói rằng Như Lai đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chẳng đúng như nghĩa. Tu Bồ Đề! Vì thật ra Phật chẳng đặc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Nói Như Lai đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong đó vô thật vô hư.***

***Cho nên Như Lai nói "Tất cả các pháp đều là Phật pháp." Tu Bồ Đề! Nói tất cả pháp, tức phi tất cả pháp, thị danh tất cả pháp (tam luân). Tu Bồ Đề! Ví như thân người cao lớn đã kể trên, nghĩa là siêu việt số lượng.***

***Tu Bồ Đề thưa rằng:***



- *Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn, tức phi thân lớn, thị danh thân lớn (tam luân).*

- *Tu Bồ Đề! Bồ tát cũng như thế. Nếu nói rằng ta phải diệt độ vô lượng chúng sinh thì chẳng thể gọi là Bồ tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Thật chẳng có pháp gọi là Bồ tát. Cho nên Phật thuyết tất cả pháp vô ngã, vô nhơn, vô chúng sinh, vô thọ giả.*

*Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát nói rằng ta phải trang nghiêm cõi Phật thì chẳng thể gọi là Bồ tát. Tại sao? Vì Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm (tam luân).*

*Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát thông đạt pháp vô ngã thì Như Lai nói ấy mới gọi là Chơn Bồ tát.*

*XVI. - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có nhục nhãn chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có nhục nhãn.*

- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có thiên nhãn chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có thiên nhãn.*

- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có huệ nhãn chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có huệ nhãn.*

- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có pháp nhãn chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có pháp nhãn.*

- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có Phật nhãn chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có Phật nhãn.*

- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như số cát trong sông Hằng kia, Phật nói là cát chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai nói là cát.*

- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như có những sông Hằng nhiều bằng số cát trong một sông Hằng, rồi lại có cõi Phật nhiều bằng số cát trong những sông Hằng ấy, như thế có phải là nhiều chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, rất nhiều.*

*Phật bảo Tu Bồ Đề:*

- *Bao nhiêu thứ tâm niệm của chúng sinh trong cõi Phật ấy, Như Lai đều biết rõ. Tại sao? Như Lai nói các tâm, đều là phi tâm, thị danh là tâm (tam luân). Tại sao? Tu Bồ Đề! Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc (Phá chấp tâm là thật có).*

XVII. - *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Nếu có người đem thất bửu chất đầy tam thiên đại thiên thế giới dùng để bố thí, người ấy nhờ nhân duyên đó, được phước đức nhiều chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Người ấy nhờ nhân duyên đó, được phước đức rất nhiều.*

- *Tu Bồ Đề! Nếu phước đức có thật thì Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều. Vì phước đức vốn chẳng thật nên Như Lai nói được phước đức nhiều.*

**XVIII. - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ sắc thân đầy đủ thấy Phật chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không. Chẳng nên nhờ sắc thân đầy đủ mà thấy Phật. Tại sao? Như Lai nói sắc thân đầy đủ, tức phi sắc thân đầy đủ, thị danh sắc thân đầy đủ (tam luân).**

**- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ các tướng đầy đủ thấy Như Lai chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không. Chẳng nên nhờ các tướng đầy đủ mà thấy Như Lai. Tại sao? Như Lai nói các tướng đầy đủ, tức phi các tướng đầy đủ, thị danh các tướng đầy đủ (tam luân).**

**XIX. - Tu Bồ Đề! Người chớ nói Như Lai có nghĩ rằng "Ta phải có thuyết pháp," đừng nghĩ vậy. Tại sao? Nếu người nào nói Như Lai có thuyết pháp tức là phỉ báng Phật, chẳng hiểu lời nói của ta. Tu Bồ Đề! Nói thuyết pháp là không có pháp để thuyết, thị danh thuyết pháp (tam luân).**

**Bấy giờ, Huệ Mạng Tu Bồ Đề thưa Phật rằng:**

**- Bạch Thế Tôn! Những chúng sinh đời vị lai nghe được pháp này sanh lòng tin chăng?**

**Phật bảo:**

**- Tu Bồ Đề! Những chúng sinh ấy là phi chúng sinh, phi bất chúng sinh. Tại sao? Tu Bồ Đề! Chúng sinh cho là chúng sinh, Như Lai nói phi chúng sinh, thị danh chúng sinh (tam luân).**

**XX. Tu Bồ Đề thưa rằng:**

**- Bạch Thế Tôn! Phật đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là vô sở đắc chăng?**

**- Đúng thế! Đúng thế! Tu Bồ Đề! Ta ở nơi pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thật chẳng đắc một chút gì cả, thị danh Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (tam luân).**

**XXI. - Lại nữa, Tu Bồ Đề! Pháp ấy bình đẳng, chẳng có cao thấp, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì vô ngã, vô nhơn, vô chúng sinh, vô thọ giả mà tu tất cả thiện pháp, thì liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Như Lai nói thiện pháp tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp (tam luân).**

**XXII. - Tu Bồ Đề! Nếu có người đem thất bửu chất đầy bằng núi Tu Di chứa trong tam thiên đại thiên thế giới dùng để bố thí, với người thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa này, cho đến chỉ hành theo bốn câu kệ, và giảng giải cho người khác nghe, thì phước đức bố thí so với phước đức thọ trì chẳng bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn ức, cho đến toán số thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng.**

**XXIII. - Tu Bồ Đề! Các người chớ cho Như Lai có nghĩ rằng "Ta phải độ chúng sinh." Tu Bồ Đề, đừng nghĩ vậy! Tại sao? Thật chẳng có chúng sinh mà Như Lai độ. Nếu nói Như Lai có độ chúng sinh, thì Như Lai mắc vào bốn tướng ngã, nhơn, chúng sinh,**

*thọ giả. Tu Bồ Đề! Như Lai nói có ngã tức phi có ngã, mà phàm phu chấp là có ngã. Tu Bồ Đề! Như Lai nói phàm phu tức phi phàm phu, thị danh phàm phu (tam luân).*

*XXIV. -Tu Bồ Đề! Ý ngươi thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai chăng?*

*Tu Bồ Đề đáp:*

*- Đúng thế! Đúng thế! Có thể dùng ba mươi hai tướng quán Như Lai.*

*Phật bảo Tu Bồ Đề:*

*- Nếu dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao? (Chuyển Luân Thánh Vương cũng có ba mươi hai tướng)*

*Tu Bồ Đề thưa rằng:*

*- Bạch Thế Tôn, như con hiểu ý nghĩa lời Phật, thì chẳng nên dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai.*

*Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:*

*Nhược dĩ sắc kiến ngã,  
Dĩ âm thanh cầu ngã,  
Thị nhơn hành tà đạo,  
Bất năng kiến Như Lai.*

Dịch ra Việt

*Nếu dùng sắc thấy ta,  
Dùng âm thanh cầu ta.  
Là người hành tà đạo,  
Chẳng thể thấy Như Lai.*

*XXV. - Tu Bồ Đề! Nếu người nghĩ rằng: "Như Lai vì chẳng nhờ tướng đầy đủ mới đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác," Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như vậy! Nói Như Lai vì chẳng nhờ tướng đầy đủ mới đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chẳng đúng.*

*Tu Bồ Đề! Nếu người nghĩ như thế thì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là nói các pháp đoạn diệt sao! Đừng nghĩ vậy. Tại sao? Vì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nơi pháp chẳng nói tướng đoạn diệt.*

*XXVI. - Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát đem tất bửu chất đầy những thế giới như số cát sông Hằng dùng để bố thí, với Bồ tát biết tất cả pháp vô ngã, được thành tựu pháp nhẫn (lòng tin vững chắc), thì Bồ tát này được công đức hơn Bồ tát kia. Tại sao? Tu Bồ Đề, vì các Bồ tát này chẳng thọ phước đức việc làm của họ.*

*Tu Bồ Đề thưa rằng:*

*- Bạch Thế Tôn! Sao nói Bồ tát chẳng thọ phước đức?*

*- Tu Bồ Đề! Vì Bồ tát làm việc phước đức chẳng sanh khởi lòng tham, cho nên nói chẳng thọ phước đức.*

**XXVII. - Tu Bồ Đề!** Nếu có người nói rằng "Nhu Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm" thì người ấy chẳng hiểu được ý nghĩa lời ta nói. Tại sao? Vì Như Lai chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai.

**XXVIII. - Tu Bồ Đề!** Nếu có thiện nam tín nữ, đem cõi tam thiên đại thiên thế giới nghiền nát ra thành vi trần, ý người thế nào? Những vi trần chúng có phải nhiều chăng?

*Tu Bồ Đề thưa rằng:*

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Tại sao? Nếu những vi trần chúng là thật có thì Phật chẳng nói là vi trần chúng. Tại sao? Vì Phật nói vi trần chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng (tam luân). Bạch Thế Tôn! Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới. Tại sao? Nếu thế giới thật có, tức là tướng hợp nhất. Như Lai nói tướng hợp nhất, tức phi tướng hợp nhất, đó gọi là tướng hợp nhất (tam luân).

**XXIX. - Tu Bồ Đề!** Nếu có người nói Phật thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến là thật, Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Người ấy có hiểu được ý nghĩa lời ta nói chăng?

- Bạch Thế Tôn, không! Người ấy chẳng hiểu ý nghĩa của Như Lai nói. Tại sao? Như Lai nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến, nhơn kiến, chúng sinh kiến, thọ giả

*kiến, đó là ngã kiến, nhơn kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến (tam luân).*

*- Tu Bồ Đề! Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với tất cả pháp nên tri như thế, kiến như thế, tín giải như thế, chẳng sanh pháp tướng. Tu Bồ Đề! Như Lai nói pháp tướng, tức phi pháp tướng, đó là pháp tướng (tam luân).*

*XXX. - Tu Bồ Đề! Nếu có người đem thất bửu chất đầy vô lượng A Tăng Kỳ thế giới dùng để bố thí, với thiện nam tín nữ phát tâm Bồ Đề thọ trì đọc tụng Kinh này, cho đến chỉ hành theo bốn câu kệ, và giảng giải cho người khác nghe, thì phước đức hơn người kia. Vậy phải giảng giải như thế nào? Nên giảng giải như thế này: Như như bất động, chẳng nên chấp nơi tướng. Tại sao?*

*Nhất thiết hữu vi pháp,  
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,  
Như lộ diệc như điện,  
Ung tác như thị quán.*

Dịch ra Việt:

*Tất cả pháp hữu vi,  
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,  
Như sương mù, điện chớp,  
Nên quán theo như thế. .*

*Phật thuyết Kinh này xong, trưởng lão Tu Bồ Đề với các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di và*



*tất cả thế gian, trời, người, A Tu La, nghe lời Phật thuyết, đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.*

**Phản Chánh Văn hết**

## Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa

### Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính chào quý đạo hữu

Trước khi bắt đầu lược giải kinh Kim Cang, Thầy Đạo Tâm có lời chào mừng cho Thầy và cho tất cả quý đạo hữu nào mà trong tận thâm sâu của đáy lòng mình, trong thời gian qua đã mong muốn **Phật Pháp được trường tồn** mỗi khi phát nguyện. Có đạo hữu, ngay trong giây phút Thầy Đạo Tâm vừa nói “chào mừng” khởi niệm ngay rằng “ủa, Thầy mà còn mừng, còn vui buồn” nữa sao? Thầy Đạo Tâm xin mượn cách mà đức Phật dùng lập đi lập lại trong kinh Kim Cang để giải nghi cho quý đạo hữu đó như sau: “Thầy Đạo Tâm mừng mà thật sự không có mừng, đó là mừng vậy.” Quý đạo hữu nào chưa quen với lối nói “Tam Luân” này sẽ hiểu khi Thầy Đạo Tâm trình bày phần lược giải kinh Kim Cang tiếp theo sau đây.

Vì sao Thầy Đạo Tâm nói lời chào mừng cho tất cả chúng ta?

Trên đường cùng nhau xây dựng Phật Pháp trường tồn, chúng ta đã dự phóng sẽ thực hiện những gì để đạt được mục tiêu. Giờ đây, kiểm điểm lại những gì chúng ta đã thực hiện sẽ thấy ngay.

(1) Trên cơ sở vật chất, chúng ta đã có được một ngôi chùa, dù nhỏ nhưng đầy đủ phương tiện để chúng ta tu

tập theo đường lối của chúng ta, với đàn tràng Dược Sư, đàn tràng Chuẩn Đề, và nhất là đàn tràng Lăng Nghiêm, một đàn tràng thật hiếm hoi trong lịch sử Phật giáo trên quả địa cầu này. Phải chăng chúng ta cũng nên mừng cho chúng sinh, một năm có hai dịp về Phật Quốc trong mùa hè (nhập hạ) và mùa đông (nhập đông) để cùng tu tập với chúng ta trong đàn tràng Lăng Nghiêm.

Ngoại trừ phải dành một số thời giờ cho cuộc sống thế tục mà quý Phật tử không thể nào xả bỏ ngay được, quý Phật tử đã luôn luôn dành thì giờ còn lại trong tuần để xây dựng Phật Quốc để cho chính quý Phật tử và cho những Phật tử khác hiện tại hay tương lai có nơi tu tập, thuận theo tục ngữ của ông bà chúng ta thường nói “tu hành phải có bạn” và quan trọng hơn cả là sự dần dần xả bỏ bớt dính mắc thế tục. Chùa còn là nơi giúp ta thực hành “lục hòa, phá ngã chấp, tâm không trụ vào thế gian pháp.” Ngoài ra, vì thời gian dành cho việc tu tập rất ít, nên chúng ta đã nhắc nhở nhau “**tại chùa chỉ nói chuyện liên quan đến Phật Pháp**”, tuy nhiên, nếu có những tiếng cười rộn rã vang lên cũng chẳng gây phiền muộn cho kẻ khác.

(2) Trên phương diện tinh thần tu học, chúng ta đã có một đội ngũ Ni và các Cư sĩ, nếu nói một cách khiêm nhường, cũng đã có đầy đủ căn bản Phật Pháp để tự độ và độ tha theo kế hoạch đã dự trù. Đội ngũ này sẽ giữ gìn và phát triển Phật Pháp để Phật Pháp có thể trường

tồn. Yêu cầu quý đạo hữu đừng quá khiêm tốn mà phải mạnh dạn phát Bồ đề tâm nhận nhiệm vụ của sứ giả Như Lai. Đây là một việc làm tự nguyện chứ không phải là bị bắt buộc bởi một ai, bởi một vị Thầy, hay một vị Phật, Bồ tát. Dĩ nhiên, việc làm sứ giả Như Lai này không phải đơn giản, nhưng với nguyện vọng tu tập cho mình và để độ sinh cũng chẳng có gì khó khăn. Nếu chúng ta nghĩ đến việc thị hiện vào cõi Ta bà này của đức bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, nhờ vậy ngày nay chúng ta mới biết được con đường ra khỏi sinh tử luân hồi, Bồ đề tâm chúng ta sẽ kiên cố hơn. Nhìn lại con đường tu tập của chúng ta, liệu đã đủ để đền bù công ơn của đức bổn sư đã thị hiện nơi thế gian này để dạy dỗ chúng ta chưa? Tâm nguyện của chúng ta là như vậy, nhưng sóng gió như thế nào, kết quả như thế nào, cũng phải giữ Bồ đề tâm kiên cố, không để ảnh hưởng đến hạnh nguyện của chúng ta.

Sau khóa “lược giải kinh Kim Cang” này, việc làm của Thầy Đạo Tâm đã tạm hoàn thành trên căn bản, vì quý đạo hữu sẽ được biết rằng với kinh Kim Cang quý đạo hữu đã có một phương pháp Tối Thượng Thừa để tu và một vị Thầy là đức Phật thường trụ luôn luôn ở bên cạnh quý đạo hữu. Đừng bao giờ bận tâm đến sự hiện hữu của một vị Thầy phàm tăng thế tục không tránh khỏi luật vô thường.

Chúng ta đi vào phân lược giải kinh Kim Cang.

## Duyên khởi đưa đến giảng Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa

Thực ra, đây không phải là lần đầu tiên Thầy Đạo Tâm giảng giải kinh Kim Cang. Khoảng bốn năm năm về trước, tại Cốc Thanh Tịnh Tâm ở Keller, Texas, kinh Kim Cang đã được lược giảng qua đề quý Phật tử thực hành pháp “**không trụ.**” Lần giảng giải đó, Thầy Đạo Tâm không dám đào sâu và nhấn mạnh vào pháp tu Tối Thượng Thừa, e rằng Phật tử bỏ chạy hết. Một số đạo hữu chắc cũng còn nhớ, một đạo hữu từ Canada sang, sau khi nghe bài Pháp, mặc dầu không phải thuộc kinh Kim Cang, tuyên bố rằng: “Thầy giảng sao mà cao thế!” Bài giảng Phật Pháp nào cũng có ý nghĩa cao siêu, nhưng chắc không đến nỗi khó hiểu, thực ra có lẽ chỉ vì đạo hữu ấy lâu nay đến chùa chỉ để lạy Phật cầu cho gia đạo bình an mà thôi, chưa bao giờ nghĩ đến phải học Phật Pháp.

Nếu Phật tử nào chưa có duyên đến Cốc Thanh Tịnh Tâm, hôm nào đẹp trời, nhờ một bạn đạo đưa đến nơi để nhìn trên vách của một Chánh điện rất nhỏ (mobile home) vẫn còn hai bảng ghi hai câu trong những câu cốt tủy của kinh Kim Cang theo âm Hán Việt: “Nhược Bồ tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ tát” (Nếu Bồ tát còn có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng tức không phải là Bồ tát) và “Nhu Lai giả vô sở tùng lai diệc vô sở khứ cố danh Như Lai” (Nhu Lai không

từ đâu đến, cũng như không đi về đâu, như vậy mới là Như Lai.) Quý đạo hữu chưa cần phải hiểu hai câu này vội, vì chúng ta sẽ tìm hiểu thật kỹ càng trong những thời Thầy Đạo Tâm lược giải kinh Kim Cang này. Thầy Đạo Tâm sẽ không kéo dài thời lược giải này đến mấy tháng hay một năm, mà nhiều lắm cũng chỉ ba, bốn tuần mà thôi tùy theo sự lãnh hội của quý đạo hữu. Lý do, nếu những lời dạy của đức Phật trong kinh không thể nghĩ bàn, vậy tại sao chúng ta phải phí thời giờ và tâm sức để giảng giải, e rằng biết đâu sẽ không đúng với ý nghĩa đức Phật muốn nói. Gần đây nhất là vào tháng giêng năm 2013, Thầy Đạo Tâm lại giảng kinh Kim Cang, và dĩ nhiên, cứ mỗi lần giảng như thế Thầy Đạo Tâm đào sâu thêm ý nghĩa của kinh và đi vào áp dụng lời dạy của Đức Phật và cuộc sống thế tục.

Nếu ai có chút ít kinh nghiệm viết bài hoặc viết sách về những gì mình suy nghĩ sẽ không còn thích viết nữa. Vì sao vậy? Ông bà mình đã dạy: “bút sa gà chết,” cho nên phải đấn đo kỹ lưỡng những gì mình viết, và có đôi khi đem bản thảo đã viết trong hơn vài năm trời đưa vào ngọn lửa, chỉ một phút thôi những chữ nghĩa ghi lại trong những tháng năm qua đã tan tành theo mây khói. Đáng lý ra Thầy dự trù ở trên Cốc khoảng một tháng, nhưng nay phải về chùa sớm hơn, nếu không thì bao nhiêu ngày đọc, viết và thiền định sẽ đi vào lửa để rồi trở về chùa không chữ nào trong labtop.

Lâu nay, quý đạo hữu nhận biết đó, Thầy Đạo Tâm nếu có, chỉ ghi xuống những tiết mục cần phải giảng, ngay cả khi giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng vậy, chứ không hề ngồi viết bài vì e rằng rồi sẽ đốt bài đi chẳng còn gì để giảng. Vậy, nhân duyên gì mà Thầy Đạo Tâm lại phải “lên Cốc” để ghi xuống những điểm chính cần phải giảng giải để tránh khỏi bị thiếu sót? Bởi vì kinh Kim Cang kể từ nay được chính thức là kinh “gối đầu giường” cho phương pháp tu tại Phật Quốc Thanh Tịnh Tâm. Thầy Đạo Tâm sẽ không cần phải giảng Pháp nữa vì đức Phật sẽ “khéo hộ niệm và phó chúc” quý đạo hữu. Với ý niệm này, và mục đích vừa nói, buổi giảng sẽ diễn ra rất chậm, không để những thắc mắc nếu có nằm trong tâm quý đạo hữu. Nếu có điểm nào thắc mắc, quý đạo hữu cứ mạnh dạn đưa ra đừng e ngại sẽ làm mất thì giờ của quý đạo hữu khác. Vì sao vậy? Tu theo con đường Đại Thừa, quý đạo hữu nào cũng mong cho kẻ khác được lợi lạc cho dù có mất một ít thì giờ của chúng ta. Ngoài ra, cho dù quý đạo hữu nào mới đến với Phật Quốc hay thiếu căn bản Phật Pháp, mà có duyên tham dự khoá lược giải này cũng sẽ được “lợi ích khó nghĩ bàn,” đó là lời đức Phật dạy trong kinh Kim Cang này.

- Trong kế hoạch giúp quý đạo hữu của Phật Quốc ôn lại căn bản Phật học để thực hành con đường đưa đến giải thoát ra khỏi sanh tử luân hồi trong hiện kiếp bằng những buổi trao đổi những gì ghi trong phần đầu quyển sách “**giải thoát trong hiện kiếp**” (do Thầy

Đạo Tâm soạn, và đạo hữu Di Thành thiết kế hình bìa,) đồng thời giúp quý Sư cô và Cư sĩ có dịp thực tập giảng giải Phật Pháp trước một số đông Phật tử để thay thế Thầy Đạo Tâm được nghỉ vì tuổi già, sức yếu, lãng tai, đi đứng khó khăn, trí nhớ kém hoặc ông bạn vô thường đến thăm mà không gọi điện thoại trước để lấy hẹn, chắc hẳn muốn tạo bất ngờ cho chúng ta chăng? Không sao! Mọi sự đã được chuẩn bị cho Phật Quốc, còn riêng Thầy Đạo Tâm chẳng có gì mang theo để mà chuẩn bị. Thầy Đạo Tâm nhờ quý đạo hữu nào cứ phải lái xe đưa Thầy đi bác sĩ và quý đạo hữu nào thường sinh hoạt trong chùa làm nhân chứng giùm. Xin mở đầu ngoặc ở đây: Lại có đạo hữu nghĩ trong tâm rằng Thầy Đạo Tâm mà còn biện bạch nữa sao? Tuy nhiên, nếu quý đạo hữu nào có câu hỏi về Phật Pháp cần tham khảo, có thể hẹn gặp riêng Thầy Đạo Tâm.

Thầy Đạo Tâm lúc nào cũng thận trọng trong việc truyền pháp nên phải tránh việc giảng giải sai Phật Pháp, vì thật nguy hiểm khi mà Thầy Đạo Tâm đã đến lúc, như nhiều đạo hữu phán xét rất đúng “lực bất tòng tâm” ý nghĩ một đằng, miệng nói lời khác, đôi khi phát âm theo lối “nói lái” mặc dầu bình thường từ trước đến nay có lẽ không biết nói lái; tai nghe “ngày Thứ Bảy” té ra là ngày “Chủ nhật” v.v... Người xưa có nói: Làm thầy thuốc mà lầm giết một người, người làm chính trị mà lầm giết một thế hệ, người làm văn hóa mà lầm giết muôn đời. Thầy Đạo Tâm thêm vào đây một câu



để quý đạo hữu suy nghiệm mà coi chừng: **giảng Phật Pháp mà làm là Thầy trò đi ra vào vòng sanh tử luân hồi cho đến vô chung**; dĩ nhiên, trừ trường hợp duyên tốt, trong một kiếp nào đó, gặp chánh pháp để thực hành mà ra khỏi. Đó là một nhân duyên gần để Thầy Đạo Tâm “lên Cốc.”

- Mấy tuần trước đây Cư sĩ Đạo Hạnh có đề nghị sau những tuần thảo luận phần căn bản cốt tủy đạo Phật đó, xin Thầy Đạo Tâm giảng kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa. Kinh này là một trong những kinh Đại Thừa quan trọng mà Phật tử chùa Phật Quốc học và thực hành. Kinh này, được Ngũ Tổ Hoàng Nhãn và Lục Tổ Huệ Năng dùng để ấn chứng cho quý vị ngộ đạo. Dù Cư sĩ Đạo Hạnh có đề nghị hay không, thời gian này kinh Kim Cang cũng phải được lược giải, nếu không đó là một sự thiếu sót lớn khi chưa giảng kinh này mà Thầy Đạo Tâm đã lìa bỏ thế gian ra đi. Đó là lỗi của Thầy Đạo Tâm, nhưng không sao vì “không ai là người không có kẻ khác thay thế” đây chỉ đề cập đến nhân duyên thôi. Đây là nhân duyên gần thứ hai để Thầy Đạo Tâm “lên Cốc” để sửa soạn cho buổi lược giải hôm nay.

- Thầy Đạo Tâm bị đau xương sống và chân nên đi lại khó khăn cần nghỉ ngơi riêng biệt. Lý do vì e rằng sẽ có lời đàm tiếu Ông Thầy gì chỉ lo ngủ trong phòng, không chịu ra ngoài tiếp xúc với Phật tử có cơ duyên đến thăm chùa, hoặc không chịu ra lân la với các Phật

tử đến chùa làm công quả, đâu biết rằng “lực bất tòng tâm.” Đây là nhân duyên gần thứ ba để Thầy Đạo Tâm “lên Cốc.”

- Nhưng, **nguyên nhân sâu xa** là trong ba ngày trước khi đi gặp Bác sĩ chữa trị lung và chân, trong khi thiền định cũng như trong lúc ngủ nghỉ, Thầy Đạo Tâm bị cuốn hút trong Chánh niệm vào việc giảng giải Tánh Không. Hiểu biết về Tánh Không là nền tảng mà cũng là cao tột của việc thực hành Phật Pháp đưa đến thoát vòng sinh tử luân hồi và **thành Phật**. Để tránh sự đứt đoạn dòng suy nghĩ triền miên này, Thầy Đạo Tâm quyết định phải giảng dạy ngay Tánh Không và đi “lên Cốc” một thời gian để khỏi bị ra khỏi Chánh niệm về Tánh Không, hầu có thể biên soạn để giảng giải cốt tủy của kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa rất quan trọng này một cách đầy đủ, không ra khỏi ý Phật, dĩ nhiên với khả năng giới hạn của chính mình. Ngày xưa cũng có vị Đại sư mỗi khi giảng kinh quan trọng đều “nhập thất” một thời gian, nhưng đó không rơi vào trường hợp này của Thầy Đạo Tâm. Quý đạo hữu sẽ kinh nghiệm ngay cái ý nghĩa “bất khả tư nghĩ” của kinh Kim Cang khi bắt đầu nghe lược giải.

## Trí tuệ Bát Nhã Ba La Mật Đa

Tựa đề kinh Kim Cang đầy đủ phải có thêm chữ Phạn “Bát Nhã Ba La Mật Đa<sup>1</sup>.” Kinh Đại Trí Độ Luận nói: “Bát nhã ba la mật đa là mẹ của chư Phật, chư Phật lấy pháp làm thầy, pháp tức là bát nhã ba la mật đa”. Kinh Đại Bát Nhã nói: “Ma ha bát nhã ba la mật đa là mẹ chư Bồ tát Ma ha tát, có thể sanh ra chư Phật, nhiếp trì Bồ tát”. Trong Bát Nhã Tâm kinh, chư Bồ tát nhờ trí tuệ Bát Nhã mà không còn quái ngại, xa rời điên đảo mộng tưởng, đạt đến Niết bàn, và chư Phật ba đời y trí tuệ Bát Nhã đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề có nghĩa là đắc trí tuệ Phật<sup>2</sup>. Do đó, có chỗ bảo kinh Kim Cang là thuộc **đại thừa, tối thượng thừa**. Có thể nói chung quy tất cả Phật Pháp chỉ là bát nhã mà thôi, **ngoài bát nhã ra không có Phật Pháp**. Tại sao vậy? **Vì Trí Tuệ Bát Nhã cũng là Tánh Không, là Phật tánh, Chơn tâm, Viên giác, A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, Nhứt thiết chủng trí v.v...** Do đó, hôm trước chúng ta nói rằng nếu hiểu rõ Tánh Không là chúng ta có thể hiểu rõ các kinh Đại thừa như vậy cũng không quá đáng. Sau đây là ví dụ thứ nhất.

Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa mở đầu bằng câu chữ Hán: “Quán Tự Tại Bồ tát hành thâm Bát Nhã Ba

---

<sup>1</sup> Bát Nhã Ba La Mật Đa: Trí tuệ đến bờ bên kia, cũng có nghĩa là trí tuệ Phật, và đồng nghĩa với các chữ Phật tánh, Chơn tâm, A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề, Bản lai diện mục, Nhứt thiết chủng trí v.v...

<sup>2</sup> Trí tuệ Phật: Đừng lầm lẫn trí tuệ Phật với kiến thức Phật học.

La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ Uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách.” Dịch nghĩa là ngài Bồ tát Quán Tự Tại thực hành sâu xa Trí Tuệ Bát Nhã, ngộ rằng năm Uẩn có Tánh Không nên ngài ra khỏi mọi phiền não (có nghĩa là thành đạo.) Toàn thể phần còn lại của Bát Nhã Tâm Kinh diễn đạt Tánh Không và cho biết rằng nhờ chứng được Tánh Không mà chư Bồ tát và ba đời chư Phật thành Phật.

Có lẽ bây giờ quý đạo hữu mới nhận biết là vì sao lâu nay quý đạo hữu thiên định để nhập vào Tánh Không, và vì sao trong cuốn Nghi Thức Tụng Niệm lại có in bài Bát Nhã Tâm Kinh mà trong lúc đó đường lối hành lễ của chúng ta không “mở” Đại bi<sup>3</sup> và “đóng” Bát Nhã (Tâm Kinh) như các chùa Đại thừa khác. Quý đạo hữu đâu có biết rằng quý đạo hữu đang tu tập để thành Phật, hoặc tệ nhất cũng về các cõi Tịnh độ có nghĩa là ra khỏi vòng sanh tử luân hồi. Bát Nhã Tâm Kinh ghi vào đó để khi nào cần đọc lại quý đạo hữu có ngay, khỏi phải tìm tòi tra cứu.

Nên biết, hết thấy giáo nghĩa của Đại thừa và Tiểu thừa đều từ bát nhã mà ra. Hết thấy giáo nghĩa của Phật một đôi khi cũng có chỗ gần giống với lý luận tối cao của ngoại đạo như đạo Nho, đạo Lão, nhưng chỉ có bát nhã thì riêng Phật mới chứng được, riêng Phật mới nói ra được. Lý luận tối cao của ngoại đạo một khi

---

<sup>3</sup> Chữ Đại bi này nói đến Chú Đại bi

đụng với bát nhã liền tiêu tan đi mất. Nên trên hội Hoa Nghiêm, chư đại Bồ tát tán thán rằng: “Trên trời, dưới trời không ai như Phật, mười phương thế giới cũng không ai sánh nổi. Những gì có trên thế gian tôi đều thấy hết, hết thấy những cái đó không cái nào được như Phật (thiên thượng thiên hạ vô như Phật, thập phương thế giới diệc vô tỷ, thế gian sở hữu ngã tận kiến, nhứt thiết vô hữu như Phật giả.) Xem đây có thể thấy, cũng như trước đây Thầy Đạo Tâm cũng có nhận định **thuyết tam giáo đồng nguyên là hoang đường, sai lầm**. Lại có thể thấy người học Phật nếu không thông suốt bát nhã, tuy hiểu biết hết bao nhiêu thứ giáo nghĩa, học hết bao nhiêu thứ pháp môn, đều là bỏ gốc theo ngọn, chỉ đi tìm kiếm ở ngọn cành, thì làm sao có thể đến bờ bên kia được?

Đã gọi là học Phật thì trước hết phải khai Phật tri kiến<sup>4</sup>. **Phật tri kiến là gì? Là trí tuệ bát nhã**. Lúc Thế Tôn thành đạo, ngài lấy làm lạ nói rằng: “Lạ thay! lạ thay! Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ giác tánh như Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng được, nếu không dính mắc vào vọng tưởng chấp trước, thì **vô sư trí, tự nhiên trí**<sup>5</sup> hiện ra liền”. Trí tuệ giác tánh của Như Lai tức là thực tướng bát nhã, **vọng tưởng tức là tâm phân biệt, là thức thứ sáu, chấp trước tức là ngã kiến, là thức thứ bảy, mà quán chiếu bát nhã tức là chuyển hai thức này**

<sup>4</sup> Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa ghi: Khai, Thị, Ngộ, Nhập tri kiến Phật

<sup>5</sup> Vô sư trí, tự nhiên trí là trí tuệ giác tánh của Như Lai, là Chơn tâm .v.v...

**thành trí. Hai thức này chuyên, thì tàng-thức (A lại da thức) và năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) đều chuyên, nên mới nói nếu không vọng tưởng chấp trước thì vô sư trí, tự nhiên trí hiện ra liền.<sup>6</sup> Hai trí này là Như Lai trí tuệ giác tánh, vì nó chẳng phải từ ngoài tới, cũng chẳng thể trao dạy cho kẻ khác, nên mới gọi là vô sư (không thầy dạy). Nên cương yếu của bát nhã chẳng có gì khác, chỉ là khiến hai bên KHÔNG và HỮU khiến trừ tình chấp sao cho dứt hết, để hiển trung đạo viên dung mà thôi.**

Đức Phật vì một đại sự nhân-duyên xuất-hiện ở thế-gian là vì việc này. Hết thầy Phật pháp, không pháp nào chẳng là pháp-môn phá chấp trước, mà chỗ thuyết trong kinh này lại càng thẳng, mau, rõ, đúng. Ví như kim-cương bảo kiếm, cứ theo đúng như thế mà thực-hành thì có thể đoạn trừ ngay được chấp trước. **Vọng-tưởng là tâm phân-biệt, chấp trước có thể chia làm hai thứ: chấp sắc thân ngũ uẩn cho là ngã, gọi là ngã chấp, chấp hết thấy các pháp là thật gọi là pháp chấp.** Ngã chấp chẳng trừ thì sanh ra **phiền não chướng**, pháp chấp chẳng trừ thì sanh ra **sở tri chướng**, có tên gọi chung là **HOẶC CHƯỚNG**, do hoặc-chướng tạo nghiệp là **NGHIỆP-CHƯỚNG**.

**Kinh Kim Cương Bát Nhã thực là cương yếu của toàn bộ Bát Nhã (600 cuốn) lại càng là lời nói cần**

---

<sup>6</sup> Phần này là ngôn ngữ của Duy thức học

yếu mà không rườm rà, chỉ cần hiểu rõ ý nghĩa để có **chánh kiến**, rồi áp dụng vào pháp quán tưởng và thiền định. Tại sao? Vì kinh này không pháp nào là chẳng nhiếp, không nghĩa nào là chẳng rõ. Chẳng những yếu chỉ của bát-nhã ở hết trong kinh này, mà **khi hiểu được cuốn kinh này rồi, thì hết thấy Phật pháp đều đã nắm được.**

Trí tuệ biết chân tướng của thực tại, nói cách khác, trí tuệ về Tánh Không, có khả năng giúp chúng ta từ từ dần thoát khỏi mê lầm chấp sự vật có tự tánh, cho đến khi toàn diện mọi vọng chấp đều bị triệt bỏ, chơn Tâm hiển bày.

## Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa

### Biên soạn và Lược giải

Như đã nói sơ qua về duyên khởi, Thầy đạo Tâm biên soạn và lược giải kinh này là vì đã trải qua nhiều ngày trong Chánh niệm về Tánh Không. Nhờ trải nghiệm được Tánh Không, Thầy Đạo Tâm có phương pháp lược giải riêng để trình bày cho quý đạo hữu, nếu không, Thầy Đạo Tâm chẳng cần phải phí thời giờ làm lược giải làm gì. Vì sao vậy? Thứ nhất, đã có rất nhiều vị đại sư qua bao nhiêu triều đại ở Trung quốc, Đại hàn, Nhật bản, và Việt nam đã sớ giải rồi, Thầy Đạo Tâm có thể dùng những tài liệu này, như vậy thật dễ dàng và khỏi mất thì giờ. Thứ hai, hoặc giả, Thầy Đạo Tâm chỉ cần dùng quyển kinh Kim Cang Quyết Nghi của Đại sư Hám Sơn và cắt nghĩa thêm vào chút ít, chẵn hẳn không ai dám chê lời sớ giải của một Đại sư đã để lại nhục thân nơi chùa Nam Hoa, thờ cùng với nhục thân của Lục tổ Huệ Năng mà một số Phật tử hiện diện tại đây đã viếng thăm chùa này. Thứ ba, để cho quý đạo hữu nghĩ rằng Thầy Đạo Tâm học rộng tài cao (không biết có hay không, nên xét lại) Thầy Đạo Tâm có thể dùng quyển sớ giải của Cư sĩ Giang vị Nông dài khoảng 570 trang với nhiều tham khảo của các bậc cao tăng khác qua nhiều triều đại của Trung hoa mênh mêng và mênh mêng để lược giải, như vậy có thể kéo dài cả năm trời. Tuy nhiên, quý đạo hữu cũng đã từng biết, Thầy Đạo Tâm khi giảng Phật Pháp chỉ muốn đi thẳng vào cốt tủy, trình bày ngắn gọn, và rõ ràng những phần cần để thực hành, riêng những phần đã gọi là “bát khả tư nghì” thì chỉ lướt qua.



Nói tổng quát, ý nghĩa của trọn bộ kinh này, không nghĩa nào là chẳng khai phát **nghĩa vô trụ** của viên đốn. Bộ kinh này gồm hai phần: phần trước dựa nhiều theo cảnh mà khiến trừ chấp trước, cảnh là hết thấy **tướng**, sáu trần, sáu căn, sáu thức, cho đến không, hữu, diệt không, diệt hữu, phi không, phi hữu, đều thu nhiếp ở trong đó thêm vào bát bát<sup>7</sup>. Nên nghĩa của phần trước có thể tóm lại một câu: hết thấy đều phi (**chẳng thật có**), ở tướng chẳng thủ<sup>8</sup>, vì chẳng thủ nên đều phi. Đều phi mà chẳng thủ thì vô minh ngã kiến phá, mà chánh trí quán chiếu bát nhã sáng tỏ rục rở. Nửa phần sau thì theo **tâm** để khiến trừ chấp trước. Tâm là Bồ đề tâm, tam thế tâm (quá khứ, hiện tại, vị lai), các tâm có chỗ phát, có chỗ đắc, các tâm phân biệt chấp trước đều nhiếp ở cả trong đó. Lời dạy tuy na ná giống nhau, tuy nhiên, một bên dựa nơi tướng, một bên dựa nơi tâm, cuối cùng cũng chỉ để nói “**hữu vi (tục đế) thì không thật có, và vô vi (chơn đế) thì bất khả tư nghì**, phải dùng phương tiện mà diễn đạt, diễn đạt rồi phải phá chấp ngay.

---

<sup>7</sup> Bát bát: bát sanh, bát diệt, bát đoạn, bát thường, bát nhất, bát dị, bát khứ, bát lai.

<sup>8</sup> Thủ: có nghĩa là giữ, chấp, trụ.

## *Phản Một*

*Tôi nghe như vậy: Có một lần, Phật ngụ tại đô thành Xá vệ, trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc<sup>9</sup>, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Đại Tỳ kheo. Lúc ấy gần đến bữa ăn, đức Thế Tôn mặc áo, ôm bát, đi vào thành Xá vệ khát thực. Sau khi theo thứ tự ghé từng nhà khát thực, ngài trở về chỗ ở. Dùng trai xong, ngài xếp dẹp y bát, rửa chân, rồi trải tọa cụ mà ngồi.*

Lược giải

Để tránh sự ngộ nhận về sau này khi ngài A Nan - thị giả của Phật – nhắc lại lời dạy của đức Phật, tứ chúng có thể nghĩ lầm rằng đó là lời dạy của ngài A Nan, nên đức Phật dặn ngài A Nan phải bắt đầu bằng câu “**tôi nghe như vậy**” ý nghĩa chỉ ngắn gọn như vậy. Sau đó, là những lời mô tả lại cuộc sống hằng ngày của đức Phật bắt đầu bằng buổi đi khát thực cho đến trước khi bắt đầu thuyết pháp. Chúng ta không có gì để lược giải thêm ở đây.

***I. Tu bồ đề hỏi Phật: Trưởng lão Tu Bồ Đề ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo tay phải, quỳ gối chân phải, chắp tay cung kính bạch Phật rằng:***

***- Hy hữu Thế Tôn! Như Lai khéo hộ niệm<sup>10</sup> cho các Bồ tát, khéo phó chúc<sup>11</sup> cho các Bồ tát. Bạch Thế Tôn! Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng***

---

<sup>9</sup> Cấp Cô Độc là tên của một đại thí chủ của đức Phật.

<sup>10</sup> Hộ niệm: phò hộ (giúp đỡ) và nhớ nghĩ đến (tưởng niệm.)

<sup>11</sup> Phó chúc: Giao phó lời dặn dò.

## ***Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trụ tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?***

Lược giải:

Trước hết chúng ta hãy đưa tư tưởng của chúng ta trở về thời của đức Phật, ngài vẫn sống cuộc sống như các đệ tử của ngài. Về thân, ngài cũng ôm bình bát, đi chân trần để khát thực trong khung cảnh của xứ Ấn Độ thời tiết nóng lạnh, đường sá dơ bẩn, chứ không phải thân phát hào quang như chúng ta hiện giờ thấy trên bàn thờ, không phải thi triển “thần túc thông”<sup>12</sup> để di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác... Mặc dầu đức Phật thị hiện dưới hình tướng của một vị Sa môn bình thường đó, ngài Tu bồ đề vẫn nhận ra được lòng từ bi vô hạn của đức Thế Tôn, ngài luôn luôn giúp đỡ và tưởng nhớ đến các vị Bồ tát, đồng thời dạy dỗ các vị Bồ tát để có thể giao phó trách nhiệm tiếp tục cứu độ chúng sinh sau khi ngài nhập Niết bàn. Nhân cơ hội này, ngài Tu bồ đề đảnh lễ Phật và xin đức Phật chỉ dạy pháp an trụ tâm và hàng phục tâm.

***Phật bảo:***

***Lành thay! Lành thay! Tu Bồ Đề! Theo như người nói, Như Lai khéo hộ niệm cho các Bồ tát, khéo phó chúc cho các Bồ tát. Nay người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người nói rõ. Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trụ tâm như vậy, hàng phục tâm như vậy.***

---

<sup>12</sup> Thần túc thông: Khả năng chỉ khởi ý muốn di chuyển đến đâu là tức khắc đến đó trong vũ trụ bao la.

**- Bạch Thế Tôn, con rất mong được nghe.**

**Phật bảo Tu Bồ Đề:- Các Bồ tát Ma Ha Tát nên hàng phục tâm như vậy: Tất cả các loài chúng sinh, hoặc noãn sanh, hoặc thai sanh, hoặc thấp sanh, hoặc hóa sanh, hoặc hữu sắc, hoặc vô sắc, hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng, ta đều khiến vào Vô Dư Niết bàn<sup>13</sup> mà diệt độ. Diệt độ vô lượng vô số chúng sinh như thế, mà thật ra chẳng có chúng sinh nào được diệt độ cả. Tại sao? Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát có ngã tướng, nhưn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng ắt chẳng phải Bồ tát.**

Lược giải:

Như đã nói ở trên, mở đầu câu hỏi, ngài Tu bồ đề đã nói lên lời biết ơn đức Phật đã luôn luôn gia hộ, nhớ nghĩ và dạy dỗ bốn Thánh chúng trong sự tu tập, tiếp theo xin ngài dạy cho pháp an trụ tâm và hàng phục tâm để chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Có chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mới có thể đền ơn đức Phật đã hộ niệm, và mới có thể hoàn thành lời phó chúc của ngài.

---

<sup>13</sup> Vô dư Niết bàn: Đại thừa Niết bàn có hai:

1. -**Hữu dư Niết bàn**, đã dứt hết chi mạng vô minh, còn căn bản vô minh chưa dứt nên gọi là hữu dư.
2. - **Vô dư Niết bàn**, nghiệp thức đều không (đã chuyển thức thành trí) vô minh lại không còn thặng dư nữa. (Chỗ này khác với hữu dư vô dư Niết bàn của Tiểu thừa. Tiểu thừa nói: chỗ học đã xong, mà còn dư thân khổ báo chưa hết là hữu dư, tức là đã ra khỏi chướng ngại của phiền não, mà còn có thân khổ y. Hết báo thân này thì gọi là vô dư y Niết bàn).

Lâu nay, quý đạo hữu đã nghe Thầy Đạo Tâm nhấn mạnh và nhắc đi nhắc lại là một trong những điểm quan trọng của tu Phật là “**pháp an tâm.**” Vậy, câu hỏi về phương pháp an trụ tâm và hàng phục tâm này thật là hợp lý và do đó, nội dung của toàn bộ kinh Kim Cang hầu hết trực tiếp hay gián tiếp, đức Phật giảng dạy về vấn đề này.

Thật là thú vị. Ngày xưa khi ngài Bồ đề đạt ma từ Ấn độ sang Trung hoa, ngài Huệ Khả đến hỏi “**pháp an tâm**” và đã bị hỏi lại “**đem tâm đây ta an cho.**” Nay trong kinh Kim Cang, ngài Tu bồ đề hỏi đức Phật “**pháp an trụ và hàng phục tâm.**” Đức Phật trả lời “*Nếu Bồ tát có ngã tướng, như tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng ắt chẳng phải Bồ tát.*” Thật chói với khi nghe những câu trả lời khó hiểu như vậy. Không phải ngài Bồ đề đạt ma làm khó ngài Huệ Khả, cũng như đức Phật đã dấu bí mật với ngài Tu bồ đề về cốt tủy của pháp tu đạt giác ngộ mà phải hiểu rằng đây là những lời dạy rất ráo để giúp người hỏi và thánh chúng ngộ nhập tri kiến Phật. Sở dĩ câu trả lời khó hiểu là vì sao vậy? Vì ngài Bồ đề đạt ma và đức Phật không thể dùng lời dạy nào khác hơn. “Ý nghĩa của chơn lý không nằm ngay trong văn tự,” người thực hành phải **trực nhận ngay** ý nghĩa của câu trả lời qua công phu tu tập từ trước đến nay, không thể có thời gian dùng ý thức suy nghĩ để trả lời. Đối với chúng ta, chúng ta phải tìm hiểu và tu tập mới có thể lãnh hội được.

Đoạn kinh này có ba phần chính: (1) Đức Phật phân tích các loài chúng sinh. (2) Đức Phật đã diệt độ (đưa vào Niết bàn) vô lượng chúng sinh mà thật ra không có

chúng sinh nào được độ. (3) Lý do đức Phật dạy các câu trên là vì nếu Bồ tát còn có bốn tướng thì không phải là Bồ tát. Phần (1) chúng ta không cần phải lược giải vì đức Phật tóm tắt chúng sinh có bốn cách sanh ra (noãn, thai, thấp, hóa) và sống trong ba cõi dục giới, sắc giới, và vô sắc giới. Phần (3) Đức Phật dùng để giải thích phần (2). Vì vậy chúng ta sẽ tìm hiểu bốn tướng của phần (3) là gì? Sau đó mới có thể hiểu được ý nghĩa của toàn thể đoạn văn ghi lại lời Phật dạy.

Thầy Đạo Tâm chỉ muốn lược giải cái cốt tủy, một cách ngắn gọn và chính xác về ý nghĩa của “**bốn tướng.**” Do đó, quý đạo hữu hãy nghe chính lời đức Phật dạy sau đây trích trong kinh Viên giác<sup>14</sup> để hiểu đức Phật nói thế nào là bốn tướng, không phải lược giải quanh co theo quan điểm cá nhân.

(1) **Ngã tướng:** - Này thiện nam! Thế nào là “Ngã tướng”? Tất cả chúng sinh tự chứng nhận biết có Ta vậy. Thí dụ như có người thân thể điều hòa không có chút gì trái ý, tự hồ như quên mình (lúc ấy không thấy Ngã tướng hiện.) Đến khi điều dưỡng bị thất thường, thân thể mất thăng bằng, hoặc gặp phải những cảnh trái nghịch như gai đâm hoặc lửa đốt v.v...lúc bấy giờ mới thấy cái Ta hiện ra rất rõ rệt. Vì thế mà chúng biết có cái Ta. – Này thiện nam! Sâu thêm một tầng nữa, cái Ngã tướng có phần vi tế hơn, đó là người tu hành, trong lúc tu tập thấy mình (Ta) có chứng quả, có đắc đạo. Cho đến khi chứng quả Như Lai, hay đặng Niết bàn thanh tịnh của Phật, mà nếu **còn có cái tâm**

---

<sup>14</sup> Kinh Viên Giác, Phật Học Phổ Thông khóa thứ VIII, trang 134:Thích thiện Hoa

**biết mình có chứng và có đặng**, như thế cũng đều còn “Ngã tướng.”

(2) **Nhơn tướng:** - Này thiện nam! Thế nào là “Nhơn tướng”? – Tất cả chúng sinh tự tâm hiểu ngộ Ta đây là người và các người cũng là người (Nhơn tướng.) Nói rộng ra, hiểu ngộ ngoài Ta (Ngã) thì tất cả đều là người vậy. – Này thiện nam! Sâu thêm một tầng nữa, cái Nhơn tướng có phần vi tế hơn, là cái tâm này, cho đến hiểu ngộ rằng: “**Còn biết mình viên ngộ Niết bàn,**” cũng đều còn Ngã tướng; nghĩa là ở nơi tâm, nếu còn một chút ngộ rằng: “**Chúng lý đầy đủ,**” thì đều gọi là “Nhơn tướng.”

(3) **Chúng sinh tướng:** - Này thiện nam! Thế nào là “Chúng sinh tướng”? – Tất cả chúng sinh tự nơi tâm không còn chấp mình là Ngã và Nhơn mà lại chấp là Chúng sinh. Tỷ như có người nói thế này: “Tôi đây là chúng sinh.” Bởi thế nên biết: Người kia nói “Tôi là chúng sinh” thì biết không phải Ngã và Nhơn. - Này thiện nam! Những chúng sinh rõ biết hai món tướng trước (sở chúng, sở ngộ) là thuộc về Ngã và Nhơn, nay không còn chấp Ngã, Nhơn nữa; nhưng còn cái “**tâm rõ biết**”, đó là chúng sinh tướng.

(4) **Thọ mạng tướng:** - Này thiện nam! Thế nào là “Thọ mạng tướng”? – Các chúng sinh tâm chiếu soi (phân biệt) đã thanh tịnh. Nhưng còn cái trí giác ngộ tướng chúng sinh trước. Bởi còn cái “**trí giác ngộ**” **tương tục tu tập các nghiệp vô lậu, chưa có thể tự trừ được**; cũng như mạng căn tương tục, không tự đoạn được, nên gọi là “Thọ mạng tướng.” - Này thiện nam! Nếu còn tâm soi thấy (biết) tất cả cái giác (biết)

trước (ba tướng trên) thì cũng còn trong vòng trần cấu (tâm chưa trong sạch.) Bởi còn năng giác và sở giác nên chưa rời trần cấu vậy. Cũng như nước nóng làm tiêu băng, thì toàn băng là nước, lúc bấy giờ không còn nước nóng năng tiêu và băng bị tiêu nữa. Nếu còn chút nước nóng và băng thế là nước chưa thuần nhất. Cũng thế, **nếu còn cái Ta để giác ngộ cái Ta trước, thì chưa rời được bốn tướng.**

Sau khi giải thích ý nghĩa của “bốn tướng” đức Phật xác định: Nay thiện nam! Các chúng sinh đời sau, bởi **không rời được bốn tướng** (thuộc hữu vi), nên tuy trải qua nhiều kiếp siêng năng tu hành khổ hạnh, nhưng chỉ thành hữu vi mà thôi, chớ không chứng được Thánh quả. Cho nên, chúng ta không vội mà đọc thêm phần kế tiếp của Kinh Kim Cang mà phải từ từ hiểu thật nhuần nhuyễn ý nghĩa của “bốn tướng” vì trong suốt những đoạn sau của Kinh Kim Cang, hai chữ “bốn tướng” này sẽ được đức Phật nhắc đi nhắc lại. Hơn thế nữa, chúng ta sẽ hiểu rõ tại sao đức Phật trả lời ngài Tu bồ đề nên dùng pháp “liạ bốn tướng” để an trụ và hàng phục tâm. Nếu chúng ta hiểu phần đầu tiên này của kinh Kim Cang là có thể nói chúng ta đã hiểu gần hết toàn bộ kinh Kim Cang.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, đức Phật dạy: Vì vô minh mà sinh ra sơn hà (núi sông) đại địa (đất đai) và chúng sinh. Cho nên phải hiểu rằng tất cả mọi hiện tượng trong thế gian (căn bản là bốn tướng, trong đó có chúng sinh) chúng chỉ là phóng ảnh của chơn tâm, chúng **không thật có**. Vậy liạ được bốn tướng thì chơn tâm hiện bày, làm được như vậy gọi là đã hàng phục tâm và an trụ tâm, nhưng thật ra chẳng có hàng



phục hay an trụ tâm gì cả. Cũng như vì nhắm mắt mà vọng thấy hoa đốm giữa hư không; khi mắt hết bị nhắm, cái vọng thấy hoa đốm diệt có nghĩa là không còn nữa. Nhưng thực ra, trong hư không chẳng hề có hoa đốm, và như thế, thì làm gì có hiện tượng hoa đốm diệt trong hư không. Mắt nhắm dụ cho vô minh, và hoa đốm dụ cho sơn hà đại địa và chúng sinh.

Khi Bồ tát tu tập mà còn thấy có bốn tướng (còn Ngã,) nghĩa là còn vô minh, còn thấy có chúng sinh nên cố gắng tu tập cho mình (tự độ) và thực hành nguyện độ chúng sinh (độ tha). Bồ tát phải tiến lên một tầng nữa để thấy mình và chúng sinh không sai khác (tất cả chỉ là phóng ảnh của tâm, không thật có.) Như vậy, khi Bồ tát đắc quả Phật, Bồ tát và chúng sinh đều nhập vô dư Niết bàn có nghĩa là thành Phật, lúc đó đâu còn có cái biết phân biệt có chúng sinh được Bồ tát diệt độ cho vì nếu còn cái biết về bốn tướng thì đâu phải là Bồ tát. Đức Phật dùng ý nghĩa này để giải thích vì sao ngài nói “... **Diệt độ vô lượng vô số chúng sinh như thế, mà thật ra chẳng có chúng sinh nào được diệt độ cả.**

Hơn nữa, cách nói của đức Phật trong kinh Kim Cang luôn luôn có ba phần. Câu đầu tiên nói chân đế bằng phương tiện ngôn ngữ tục đế (thế gian) để chúng sinh tạm hiểu, và đó chỉ là giả danh; ngay sau đó, câu thứ hai là phản đề để phá chấp, và câu thứ ba xác nhận lại câu giả danh thứ nhất. Cho nên đáng lẽ, đức Phật nói: ... Ta đều khiến vào Vô Dư Niết bàn mà diệt độ. Diệt độ vô lượng vô số chúng sinh như thế, mà thật ra chẳng có chúng sinh nào được diệt độ cả, **như thế mới thật là diệt độ.** Lối diễn tả này sẽ xuất hiện nhiều chỗ

trong kinh Kim Cang để có thể tạm thời bằng ngôn ngữ thế tục để diễn tả Chơn đế (Chân lý,) ngay sau đó, phải chối bỏ để người nghe tránh sự chấp trước, và cuối cùng xác nhận lời nói Chân lý qua ngôn ngữ thế tục.

Chúng ta cũng có thể mượn vắn tắt câu chuyện của ngài Vô Trước lên núi nhập thiền định để cầu mong gặp Bồ tát Di Lặc để học Pháp hầu chúng ta có thể trải nghiệm rõ ràng rằng **vạn pháp tùy tâm hiện**, từ đó, chúng ta có thể hiểu rõ lời dạy của đức Phật trong đoạn kinh nói trên. Sau chín năm, ngài Di Lặc tạm gọi là hiện ra là con chó già ghẻ lở, ngài Vô Trước định dùng lưỡi để lừa các con dò ra khỏi thân con chó. Nhưng khi cúi mình xuống thì hình ảnh con chó già trở thành hình tướng của ngài Di Lặc. Câu chuyện này nói lên điều gì? Phút trước, tâm của ngài Vô Trước chưa hoàn toàn thanh tịnh, lòng từ bi chưa đủ, hay nói cách khác ngài còn là một người phàm phu, cho nên ngài thấy đức Di Lặc là con chó già ghẻ lở. Phút sau, tâm ngài Vô Trước thanh tịnh hoàn toàn, trí tuệ và từ bi đầy đủ, cho nên ngài thấy đức Di Lặc dưới hình tướng Bồ tát Di Lặc. Để chứng tỏ điều này, ngài Di Lặc bảo ngài Vô Trước vác ngài lên vai và đi xuống chợ. Mọi người ngạc nhiên tại sao ông kia (ngài Vô Trước) lại vác con chó già ghẻ lở trên vai. Từ câu chuyện này, chúng ta hiểu ra rằng các hiện tượng (gọi là **tướng**) được nhận biết theo độ thanh tịnh tâm của mỗi chúng sinh, còn trụ tướng là còn tâm phân biệt; **không trụ tướng chơn tâm hiển bày**.

Trong đoạn lời đức Phật dạy ngài Tu bồ đề như chúng ta đã luận giải còn có một ý nghĩa mà chúng ta sẽ tìm thấy nơi những lời đức Phật dạy trong các đoạn sau như sau: Nếu Bồ tát thấy tướng phi tướng (nghĩa là không phải tướng) là thấy Như Lai. Như vậy phải hiểu rằng những việc làm của chư Phật chỉ chư Phật mới hiểu được. Như chúng ta đã biết, trong kinh Thủ Lăng Nghiêm khi đức Phật nói về Mật Chú của chư Phật, ngài nói chỉ có chư Phật mới hiểu rõ được. Cho nên nếu muốn biết ý nghĩa thực sự của “diệt độ vô lượng chúng sinh như thế, mà thật ra chẳng có chúng sinh nào được diệt độ cả,” Bồ tát phải không còn bốn tướng, có nghĩa là thành Phật mới lãnh hội (hiểu) được lời dạy của đức Phật.

Trong kinh Kim Cang, đức Phật chỉ hướng dẫn phương pháp tu tập Tối Thượng Thừa cho nên không còn nói đến minh sư hay thiện trí thức giúp đỡ chúng ta trên con đường tu tập. Lâu nay, chúng ta chỉ nghe nói Phật giáo Tây Tạng (Mật thừa = tantrayana) rất coi trọng minh sư<sup>15</sup>, còn Phật giáo Tiểu thừa và Đại thừa hiển giáo ít ai nhắc đến. Tuy nhiên, khi Thầy Đạo Tâm trích dẫn phần bốn tướng trong Kinh Viên giác (Kinh thừa = sutrayana,) thấy có một đoạn trong kinh này đức Phật có đề cập đến tiêu chuẩn để làm sao chọn

---

<sup>15</sup> Thầy Đạo Tâm đã có nhấn mạnh sau khi nói đến vấn đề này là Thầy không có ý định bảo quý đạo hữu cư xử như vậy với Thầy Đạo Tâm.

minh sư,<sup>16</sup> nên trích dẫn vào đây để một ngày nào đó nếu quý đạo hữu cần biết ai là một minh sư thiện trí thức để hướng dẫn mình trong việc tu học, đồng thời dùng tiêu chuẩn này để đánh giá vị thầy của mình một phần nào, hoặc sau này chính mình cần hướng dẫn Phật tử khác tìm minh sư thiện trí thức thì tài liệu sẵn có nơi đây khỏi phải tìm kiếm đâu xa. Xin nhắc lại, đã nhiều lần Thầy Đạo Tâm nhắc nhở là không phải thầy đưa ra vấn đề này là ngụ ý bảo Thầy Đạo Tâm là minh sư phải tôn trọng, phải tin tưởng như vậy, như vậy ... Thực ra, lòng tin tưởng vào vị thầy hướng dẫn mình rất quan trọng nhất là khi nào trí tuệ chúng ta tiến bộ lên nhiều, nếu không tin người thầy, ngã mạn sẽ gây nguy hại cho chúng ta, hay ít nhất cũng giữ chúng ta đứng tại chỗ, hoặc tệ hơn nữa sẽ rời xa người thầy. Tại Phật Quốc, trong quá khứ, chúng ta đã kinh nghiệm qua vài trường hợp rồi.

Phật dạy ngài Phổ Giác Bồ tát:

- Nay Thiện nam! Chúng sinh đời sau muốn phát tâm tu đại thừa thì phải cầu Thiện trí thức, tức là những người hiểu biết chơn chánh (chánh tri kiến). Những vị ấy tâm chẳng trụ ở nơi tướng phàm phu và cũng không dính mắc nơi cảnh của Thanh văn, Duyên giác; tuy

---

<sup>16</sup> Đề tài chọn minh sư ít được nói trong các kinh sách Đại thừa xuất phát từ Trung Quốc vì nơi này chịu ảnh hưởng của Khổng giáo quá sâu nặng. Chúng ta người Việt (nhất là trong các thế hệ trước kia học chữ Nho) vẫn còn nghe câu “Nhứt tự vi sư bán tự vi sư” (một chữ cũng thầy, nửa chữ cũng thầy). Kính trọng thầy là lẽ đương nhiên.

hiện ở nơi cảnh trần lao mà tâm vẫn thường thanh tịnh. Có khi các vị ấy thị hiện đồng ăn, đồng ở với người tội lỗi (đồng sự nhiếp), mà thường khen ngợi các hạnh thanh tịnh (phạm hạnh), không để cho chúng sinh làm việc tội lỗi.

Hành giả phải cầu những người như vậy, dạy bảo tu hành, để thành tựu quả Phật.

Này Thiện nam! Chúng sinh đời sau nếu gặp vị Thiện hữu tri thức như thế, phải hết lòng cúng dường, không tiếc thân mạng. Vị thiện tri thức này khi giữ bốn oai nghi thanh tịnh, hành giả cung kính đã đành, mà khi thị hiện lẫn lộn với chúng sinh làm các tội lỗi để giáo hóa chúng sinh (đồng sự nhiếp,) hành giả cũng chớ nên sanh tâm khinh dễ.

- Này thiện nam! Đối với thiện hữu tri thức này, mà hành giả không khởi một niệm khinh thường, thì hoa lòng (Tâm hoa) sẽ được rộng mở, chiếu sáng khắp cả mười phương thế giới và thành tựu quả Phật.

Này thiện nam! Chúng sinh đời sau muốn tu hành, suốt đời phải kính trọng cúng dường Thiện hữu tri thức. Khi thiện hữu tri thức ở gần gũi, hành giả chớ nên khinh lòn. Khi thiện hữu tri thức đi xa, hành giả chớ nên hờn giận.

Khi thiện hữu tri thức hiện ra cảnh thuận hay nghịch, tâm hành giả phải như hư không, chớ nên thay

đôi. Hành giả phải rõ biết: thân tâm mình cùng thầy bạn và các chúng sinh, đồng một bản thể bình đẳng rôt ráo không khác. Hành giả phải tu hành như thế, mới nhập được Viên giác.

**II. - Lại nữa, Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi các pháp, ưng vô sở trụ mà hành việc bố thí, tức là chẳng trụ sắc bố thí, chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ tát bố thí nên chẳng trụ nơi tướng như thế. Tại sao? Nếu Bồ tát chẳng trụ nơi tướng bố thí thì phước đức<sup>17</sup> chẳng thể suy lường.**

**- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Hu không bên phương đông có thể suy lường chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không.**

**- Tu Bồ Đề! Hu không bên các phương nam, tây, bắc và trên, dưới có thể suy lường được chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không.**

**- Tu Bồ Đề! Bồ tát bố thí chẳng trụ nơi tướng, phước đức cũng như vậy, chẳng thể suy lường. Tu Bồ Đề! Bồ tát cần an trụ tâm như ta đã bảo.**

---

<sup>17</sup> Ở đây, người dịch ra tiếng Việt hay lẫn lộn giữa “phước đức” và “công đức”. Quý đạo hữu ở đây đã biết phân biệt rồi, Thầy Đạo Tâm chỉ nhắc lại: phước đức thuộc hữu vi, và muốn hưởng phước đức là phải tái sanh trở lại trong vòng luân hồi; trong lúc đó, làm bố thí mà không trụ nơi tướng là hành vi của Bồ tát nên phải nói đó là “công đức” công đức hướng về giải thoát.

Lược giải:

Đoạn này đã rõ ràng. Lấy việc Bồ thí trong lục ba la mật đa làm ví dụ điển hình, đức Phật dạy Bồ tát **không trụ nơi tướng** khi thực hành Bồ thí đó là **an trụ tâm** và công đức chẳng thể suy lường. Nói một cách khác là chúng ta luôn luôn giữ ý niệm không trụ để trụ tâm, có nghĩa là “trụ vào không trụ.” Đoạn này đã bị chúng ta hiểu sai, khiến cho chúng ta nguy hiểm trong việc dẫn thân vào việc làm phước đức để bị tái sinh trong vòng sanh tử luân hồi mà hưởng cái quả của phước đức. Chúng ta tự cho rằng mình làm bồ thí mà không trụ, không thấy có mình làm việc bồ thí, không thấy có kẻ nhận bồ thí, và không thấy có vật bồ thí. Thật ra, khi chúng ta tạo điều kiện để có vật bồ thí, tìm đối tượng để bồ thí và chính chúng ta thực hành việc bồ thí có nghĩa là chúng ta đã trụ tướng rồi. Hãy cẩn thận, đừng tự lừa dối chính chúng ta, hoặc cố ý hay vô tình, để rồi thực hành sai lạc con đường tu Phật, không thể ra khỏi vòng luân hồi khi bỏ thân xác này, uổng thay một kiếp làm người!

**III. - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ thân tướng mà thấy Như Lai chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không. Chẳng thể nhờ thân tướng thấy được Như Lai. Tại sao? Như Lai nói thân tướng tức phi thân tướng.**

**Phật bảo Tu Bồ Đề: - Phàm tất cả tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng phi tướng, tức là thấy Như Lai.**

Lược giải:

Phần câu nói của ngài Tu Bồ đề: “*Như Lai nói thân tướng tức phi thân tướng*” phải được nối kết với lời dạy của đức Phật tiếp theo đó “*phàm tất cả tướng đều là hư vọng*” khiến nghĩa trở nên rõ ràng không cần lược giải.

Bồ tát không thể trụ tướng để thấy Như Lai vì “**phàm tất cả tướng đều là hư vọng**”<sup>18</sup> thuộc thế giới hữu vi; trong khi đó, thân Như Lai là Pháp thân, là thường trụ. Đức Phật dạy nếu thấy được các tướng là phi tướng (là hư vọng) như vậy mới thấy được Như Lai. Nghĩa chân thật của đoạn này là: Người tu nếu còn thấy có bốn tướng (còn Ngã) thì không thể thành Phật được; khi nào không còn bốn tướng nghĩa là thấy bốn tướng là phi tướng (không còn Ngã) mới thấy Như Lai có nghĩa là thành Phật.

#### ***IV. Tu Bồ Đề Thưa rằng:***

***- Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh được nghe những lời nói, vẫn tự kể trên có thể sanh lòng tin chơn thật chăng?***

***Phật bảo:***

***- Tu Bồ Đề, đừng nói vậy! Sau khi Như Lai diệt độ năm trăm năm về sau, từ tượng pháp cho đến mạt***

---

<sup>18</sup> Câu chữ Hán thường được học thuộc lòng là: **Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.**



*pháp, nếu có người tu phước trì giới đối với lời nói, vẫn tự kể trên được sanh lòng tin, cho đó là thật. Phải biết người ấy đã nghe lời nói vẫn tự này, cho đến được một niệm sanh khởi lòng tin trong sạch, là vì đã từng gieo trồng thiện căn nơi muôn ngàn vô lượng Phật, chứ chẳng phải gieo trồng thiện căn nơi một Phật, hoặc ba, bốn, năm Phật. Tu Bồ Đề! Như Lai biết rõ, thấy rõ những chúng sinh ấy được vô lượng phước đức như thế. Tại sao? Vì những chúng sinh ấy chẳng còn có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, chẳng chấp pháp tướng, cũng chẳng chấp phi pháp tướng. Tại sao? Vì những chúng sinh ấy nếu khởi tâm chấp tướng (tiền trần) tức là dính mắc bốn tướng ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả. Nếu chấp pháp tướng (pháp trần) cũng là dính mắc bốn tướng ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả. Nếu chấp phi pháp tướng (là bóng phân biệt của pháp trần), cũng là dính mắc bốn tướng ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả. Vì thế chẳng nên chấp pháp, chẳng nên chấp phi pháp. Do nghĩa này Như Lai thường nói: Các Tỳ Kheo phải biết lời thuyết pháp của ta ví như chiếc bè qua sông, đến bờ thì phải bỏ bè; vậy pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp!*

Lược giải:

Kinh Kim Cang đức Phật giảng cho hàng Bồ tát (không còn chấp bốn tướng) cho nên được gọi là Pháp môn Tối thượng thừa, khó hiểu, nên khó có thể tin và do đó, khó có chúng sinh chịu thực hành. Tuy nhiên, nếu chúng sinh nào không chấp tướng, không chấp pháp, không chấp phi pháp, không trụ và xả bỏ các tướng (ly nhứt thiết tướng) thì vẫn có lòng tin vào

pháp Tối thượng thừa này. Ngài còn dạy thêm rằng **xả bỏ các tướng (thế gian) là quan trọng**, do đó, ngay cả Pháp của ngài thuyết ra (thuyết pháp) còn phải bỏ, huống chi những gì không phải là pháp (phi pháp.) **Không trụ trong đó bao hàm ý nghĩa xả bỏ.** Như Thầy Đạo Tâm đã nói ở phần mở đầu, pháp thực hành “không trụ” sẽ được đức Phật dạy qua nhiều ví dụ khác nhau trong kinh Kim Cang.

***V.- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng? Như Lai có thuyết pháp chăng?***

***Tu Bồ Đề đáp:***

***- Như con hiểu nghĩa của Phật nói thì chẳng có pháp nhất định gọi là pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng chẳng có pháp nhất định cho Như Lai thuyết. Tại sao? Vì pháp của Như Lai thuyết đều chẳng thể chấp thật, chẳng thể nói là pháp, là phi pháp hay phi phi pháp. Tại sao? Vì tất cả hiền thánh đều dựa theo pháp vô vi mà nói có sai biệt.***

Lược Giải

Nếu nói rằng Như Lai có chứng đắc Vô Thượng chánh Đẳng Chánh Giác là sai rồi. Vì sao? Vì nếu nói như vậy là nói “có người (Như Lai) chứng đắc và có đối tượng, mục tiêu để chứng đắc (quả Vô Thượng chánh Đẳng Chánh Giác.) Luận lý này rơi vào tâm phân biệt. Phạm phu còn tâm phân biệt mới thấy có Như Lai chứng đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và Như Lai thuyết pháp. Hơn nữa, không thể nào

dùng ngôn ngữ của thế tục (tục đế) để diễn đạt chân lý (chơn đế), nên đức Phật phải dùng những phương tiện thiện xảo để diễn đạt Pháp, chứ đó không phải là Pháp và do đó, trước khi nhập Niết bàn, đức Phật đã nói: “trong bốn mươi chín năm ta chẳng thuyết Pháp một lời nào.” Ghi nhớ điều quan trọng này khi thực hành Phật Pháp: Hầu hết các lời dạy của đức Phật được ghi nơi các kinh điển đều là phương tiện nhằm mục đích giúp chúng sinh “**xả bỏ thế gian**” để có thể ra khỏi vòng sanh tử luân hồi. Ngoài ra, để có thể xả bỏ phải thực hành không trụ, hầu đạt mục tiêu cuối cùng là đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (đạt mà không đạt, đắc mà không đắc,) bản lai diện mục (chơn tâm) sẵn có của mình hiện ra, chứ không phải của ai mà mình tìm được cho nên đâu có thể nói “đạt được”, “đắc được.”

***VI. - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như có người đem thất bửu đầy khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới dùng để bố thí, người ấy được phước đức nhiều chăng?***

***Tu Bồ Đề đáp:***

***- Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Tại sao? Phước đức ấy không có tánh chất phước đức, nên Như Lai nói là phước đức nhiều.***

***Phật bảo:***

***- Nếu có người thọ trì (tín thọ mà thực hành) Kinh này, cho đến chỉ thực hành theo bốn câu kệ rồi giảng cho người khác nghe, thì phước đức lại nhiều hơn***

***người kia. Tại sao? Tu Bồ Đề! Tất cả chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều từ Kinh này ra. Tu Bồ Đề, gọi là Phật pháp, tức phi Phật pháp.***

Lược giải

Thường chúng ta điều biết Pháp thí có công đức hơn cả vì bố thí mọi của cải vật chất thế gian dầu có quý báu đến đâu hay nhiều đến đâu đi chăng nữa cũng không giúp chúng sinh làm phước đức đó ra khỏi vòng sanh tử luân hồi. Hơn thế nữa, Pháp mà đức Phật đang thuyết giảng (kinh Kim Cang) là Pháp Tối Thượng Thừa, Pháp này nếu thực hành theo sẽ thành Phật, cho nên dầu chỉ có thực hành theo bốn câu kệ rồi giảng cho người khác nghe công đức sẽ vô lượng. Vì sao? Vì làm như thế là đã gieo chủng tử Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vào A lại da thức của người nghe, và khi đủ nhân duyên, chủng tử này sẽ nở quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho nên đức Phật mới nói là công đức vô lượng.

Nghĩa của “***Phật pháp, tức phi Phật pháp***” là gì? Như đã nói ở phần trước, những lời đức Phật dạy gọi là Phật Pháp, những lời dạy này chỉ là phương tiện giả danh để diễn đạt những sự việc xảy ra trong thế giới hữu vi để giúp chúng sinh theo đó mà thực hành để ra khỏi vòng sanh tử luân hồi mà thôi giống như những lời nói trong chiêm bao dùng để đánh thức người mê ngủ thức giấc, không nên trụ, chấp trước vào những lời nói ấy.

**VII. - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Tu Đà Hoàn có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả Tu Đà Hoàn" chăng?**

**Tu Bồ Đề đáp:**

**- Bạch Thế Tôn, không ạ. Tại sao? Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu mà vô sở nhập; chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là Tu Đà Hoàn.**

**- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Tu Đà Hàm có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả Tu Đà Hàm" chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không ạ. Tại sao? Tu Đà Hàm gọi là Nhất Vãng Lai mà thật chẳng vãng lai, ấy gọi là Tu Đà Hàm.**

**- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? A Na Hàm có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả A Na Hàm" chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? A Na Hàm gọi là Bất Lai mà thật chẳng phải bất lai, ấy gọi là A Na Hàm.**

**- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? A La Hán có thể nghĩ rằng "Ta đắc quả A La Hán" chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? Thật chẳng có pháp gọi là A La Hán. Thế Tôn! Nếu A La Hán nghĩ rằng "Ta đắc đạo A La Hán", tức là dính mắc bốn tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Thế Tôn! Phật nói con đắc Vô Tranh Tam Muội, là hạng nhất trong loài người, là hạng nhất trong bậc ly dục A La Hán. Thế Tôn! Nhưng con nghĩ rằng con là ly dục A La Hán. Thế Tôn, nếu con nghĩ rằng con đắc đạo A La**

***Hán, thì Thế Tôn chẳng nói Tu Bồ Đề là một hành giả thanh tịnh hạnh. Vì Tu Bồ Đề vốn là vô sở hành, nên mới gọi Tu Bồ Đề là hành giả thanh tịnh hạnh.***

Lược giải

Đoạn này đức Phật đưa ra bốn quả vị của Tiểu thừa từ Tu đà hoàn, lên Tư đà hàm, A na hàm, lên đến A la hán để hỏi ngài Tu bồ đề. Nếu hành giả nào tự cho mình (Ta) đã đắc một trong bốn quả đó thì thực sự họ chưa đạt đến vì họ còn có một trong bốn tướng nghĩa là còn chấp Ngã. Như phần trên đã giảng giải, khi tu hành nếu còn thấy có người chứng và mục tiêu để chứng là chấp Ngã, là còn có tâm phân biệt, thì không thể gọi là chứng được Thánh quả.

## Phần Hai

### VIII. Phật bảo:

**- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Xưa kia Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có đắc pháp gì chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không. Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng thật vô sở đắc<sup>19</sup>.**

**- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Bồ tát có trang nghiêm Phật độ chăng? - Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? Nói trang nghiêm Phật độ, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.**

**- Cho nên Tu Bồ Đề! Chư Bồ tát Ma Ha Tát nên sanh tâm trong sạch như thế, là chẳng nên khởi tâm trụ sắc, chẳng nên khởi tâm trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp, ưng vô sở trụ mà sanh kỳ tâm (không nên trụ vào đâu mà sanh tâm).**

**- Tu Bồ Đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu Di<sup>20</sup>, ý người thế nào? Thân ấy có đại chăng?**

---

<sup>19</sup> Vô sở đắc: không có gì để đắc.

<sup>20</sup> Trong kinh Phật thuyết: trên thế giới núi hết sức lớn là núi Tu Di, cũng gọi là Tu Di Lô, dịch là núi diệu cao. Núi này ở vào trong biển 80.000 do tuần nhô ra ngoài biển 80.000 do tuần (1 Do tuần bằng 40 dặm của Trung Quốc) nên hết sức cao. Núi này chẳng phải là đất đá làm nên, mà là kim, ngân, lưu ly, pha lê 4 món báu làm nên, nên gọi là diệu. Vây vòng quanh núi này có biển lớn gọi là hương thủy hải, ngoài vòng quanh lại có biển, có núi cộng 7 lần, gọi là thất hương hải, thất kim sơn. Phía ngoài nữa lại có biển lớn gọi là hàm thủy hải, bao vây phía ngoài có núi lớn gọi là đại thiết vi sơn. Ngoài núi này lại có 4 đại châu. Một trong 4 đại châu này là nam thiệm bộ châu, chỗ

**- Bạch Thế Tôn, rất đại. Tại sao? Phật nói phi thân thị danh đại thân (Chữ đại ở đây là siêu việt số lượng).**

Lược Giải

Tất cả các câu nói trên đây đức Phật đưa ra chỉ là để nhấn mạnh lại lời dạy của ngài là **“chẳng nên khởi tâm trụ sắc, chẳng nên khởi tâm trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp, ưng vô sở trụ<sup>21</sup> mà sanh kỳ tâm.”** Như đã đề cập trong phần nói tổng quát về hai phần của kinh Kim Cang, phần hai này, đức Phật đứng trên quan điểm của cái tâm để đặt câu hỏi với ngài Tu bồ đề. Sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh ra cái biết (tâm). Cái tâm này là tâm vô minh, nếu chúng ta theo nó chúng ta sẽ mãi mãi quanh quẩn trong vòng sanh tử luân hồi. Để có thể ra khỏi vòng sanh tử luân hồi, chúng ta không nên trụ vào sáu trần để sinh ra cái biết (tâm.) Cái biết dựa trên sáu trần là “vọng tâm”. **Nếu không trụ vào sáu trần, vọng tâm không khởi thì lúc ấy “chơn tâm” hiển bày.**

Đức Phật nói “phi thân thị danh đại thân” có nghĩa là: thân của đức Phật là Pháp thân, đã là Pháp thân thì thân này không có ngăn mé cho nên gọi là “phi thân”, cho nên nếu định nghĩa đại thân là vô lượng thân, thì cũng có thể nói “phi thân là đại thân” vậy.

---

chúng ta ở đây. Ba đại châu kia Tây ngưu hóa châu, Bắc Câu lưu châu, Đông thắng thần châu .

<sup>21</sup> Ưng vô sở trụ: Ưng có nghĩa là nên; vô sở trụ có nghĩa là không trụ vào chỗ nào. Toàn câu có nghĩa: **nên không trụ vào chỗ nào .**



**IX. - Tu Bồ Đề! Như có nhiều sông Hằng bằng số cát trong một sông Hằng. Ý người thế nào? Số cát ở trong những sông Hằng ấy có phải nhiều chăng? Tu Bồ Đề đáp:**

**- Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Chỉ những sông Hằng ấy cũng nhiều vô số rồi, huống chi là cát.**

**- Tu Bồ Đề! Nay ta nói thật cho nghe, như có thiện nam tín nữ, đem thất bửu chứa đầy các đại thiên thế giới bằng số cát kể trên dùng để bố thí, được phước nhiều chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, rất nhiều.**

**Phật bảo Tu Bồ Đề:**

**- Nếu có thiện nam tín nữ thọ trì Kinh này, cho đến chỉ thực hành theo bốn câu kệ, rồi giảng cho người khác nghe, thì phước đức lại nhiều hơn người kia.**

Lược giải:

Nơi đây đức Phật nhấn mạnh pháp tu dựa trên kinh Kim Cang công đức bất khả tư nghì (không thể suy nghĩ nổi), vì đây là pháp tu để thành Phật. Thịnh thoảng trong các đoạn khác của kinh Kim Cang, chúng ta thấy đức Phật nhắc đi nhắc lại người tu Phật nên thọ trì kinh này cho đến chỉ thực hành theo bốn câu kệ, rồi giảng cho người khác nghe thì công đức bất khả tư nghì.

**X. - Lại nữa, Tu Bồ Đề! Bất cứ nơi nào có thuyết Kinh này, cho đến chỉ thuyết bốn câu kệ, phải biết**

*nơi đó tất cả thế gian, trời, người, A Tu La đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật, hưởng chi có người được thọ trì đọc tụng cả Kinh này. Tu Bồ Đề! Nên biết người ấy thành tựu pháp hy hữu tối thượng hạng nhất. Vậy phàm nơi nào có kinh điển này tức là có Phật, được Phật tử tôn trọng.*

Lược giải

Đoạn này đức Phật nhắc lại sự quý báu vô cùng của kinh Kim Cang vì nếu thực hành theo kinh này hành giả sẽ thành tựu pháp hy hữu tối thượng hạng. Phàm nơi nào có kinh điển này tức là có Phật. Cho nên trong phần mở đầu buổi lược giảng kinh Kim Cang này, thầy Đạo Tâm đã nói khi quý đạo hữu đã được học hỏi kinh Kim Cang này rồi thì luôn luôn có đức Phật bên cạnh, không nhất thiết cần có vị phàm tăng Đạo Tâm bên cạnh nữa, có nghĩa là có cũng tốt mà không có cũng tốt.

**XI. Khi ấy Tu Bồ Đề thưa rằng:**

*- Bạch Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên gì? Chúng con phải thọ trì như thế nào? Phật bảo Tu Bồ Đề:*

*- Kinh này tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa, người cứ theo tên gọi thọ trì. Tại sao? Tu Bồ Đề, Phật nói Bát Nhã Ba La Mật Đa, tức phi Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị danh Bát Nhã Ba La Mật Đa (đây cũng là tam luân đã được giải ở trên).*

*- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có thuyết pháp chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, Như Lai vô sở thuyết.*

- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Tất cả vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều chăng?*

*Tu Bồ Đề thưa:*

- *Bạch Thế Tôn, rất nhiều.*

- *Tu Bồ Đề! Như Lai nói những vi trần ấy tức phi vi trần, thị danh vi trần. Như Lai nói thế giới tức phi thế giới, thị danh thế giới (tam luân). Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ ba mươi hai tướng thấy Như Lai chăng?*

- *Bạch Thế Tôn, không. Chẳng thể nhờ ba mươi hai tướng thấy được Như Lai. Tại sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức là phi tướng, thị danh ba mươi hai tướng (tam luân).*

- *Tu Bồ Đề! Như có thiện nam tín nữ đem thân mạng nhiều bằng số cát sông Hằng dùng để bố thí; với người thọ trì kinh này, cho đến chỉ thực hành theo bốn câu kệ và giảng cho người khác nghe, thì được phước hơn người kia rất nhiều.*

Lược giải

Đoạn kinh này, đức Phật đưa ra ba câu hỏi:

(1) Như Lai có thuyết pháp chăng?

(2) Có thể nhờ ba mươi hai tướng thấy Như Lai chăng?

(3) Bồ thí bằng thân mạng có được nhiều công đức không?

Hai câu hỏi đầu liên hệ đến phương pháp “tam luân”. Trước tiên, đức Phật phương tiện dùng ngôn ngữ thế tục để nói đến chân lý, sau đó, ngài phá chấp ngay, và sau cùng, tạm xác nhận chân lý vừa nói đến.

Câu hỏi thứ ba nói về bồ thí. Trong các đoạn trước, đức Phật lấy ví dụ bồ thí bằng của cải vật chất, cho dù đó là những châu báu vô lượng, cũng không sánh bằng công đức của người thọ trì kinh này, cho đến chỉ thực hành theo bốn câu kệ và giảng cho người khác nghe. Đoạn kinh này ngài nói đến ngay cả bồ thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng (nghĩa là phải trải qua vô lượng kiếp) cũng không sánh bằng công đức của người thọ trì kinh này, cho đến chỉ thực hành theo bốn câu kệ và giảng cho người khác nghe. Điều này chứng tỏ kinh Kim Cang thật là siêu việt nếu thọ trì, tu tập theo kinh, và giảng giải cho người khác nghe.

***XII. Bấy giờ Tu Bồ Đề nghe Phật thuyết Kinh này, hiểu thấu nghĩa thâm sâu, xúc động chảy nước mắt mà bạch Phật rằng:***

***- Hy hữu Thế Tôn! Phật thuyết kinh diễn thâm sâu như thế, con từ khi được huệ nhãn đến nay, chưa từng được nghe kinh như vậy. Bạch Thế Tôn! Lại nếu có người nghe được Kinh này lòng tin trong sạch, liền sanh thật tướng, phải biết người ấy thành tựu được công đức hy hữu hạng nhất.***

**Bạch Thế Tôn! Đây nói thật tướng tức là phi tướng, cho nên Như Lai nói giả danh thật tướng.**

**Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe Kinh này tín, giải, thọ trì chẳng cho là khó. Nếu năm trăm năm về sau, đời vị lai có chúng sinh nghe được Kinh này, tín, giải, thọ trì thì người ấy là hy hữu hạng nhất. Tại sao? Vì người ấy vô ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Tại sao? Vì ngã tướng tức là phi tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng cũng là phi tướng. Tại sao? Là tất cả chư tướng, tức gọi là chư Phật.**

**Phật bảo Tu Bồ Đề:**

**- Đúng thế! Đúng thế! Lại nếu có người được nghe Kinh này mà chẳng kinh ngạc, chẳng khiếp sợ, phải biết người ấy rất là hy hữu. Tại sao? Tu Bồ Đề! Như Lai nói đệ nhất Ba La Mật Đa, tức phi đệ nhất Ba La Mật Đa, thị danh đệ nhất Ba La Mật Đa.**

**Tu Bồ Đề! Như Lai nói nhĩn nhục Ba La Mật Đa, tức phi nhĩn nhục Ba La Mật Đa, thị danh nhĩn nhục Ba La Mật Đa . Tại sao? Tu Bồ Đề! Như ta xưa kia bị vua Ca Lợi xẻ nát thân thể, lúc đó ta vô ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Tại sao? Vì xưa kia khi ta bị phanh xé thân thể từng miếng, nếu có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng thì phải sanh tâm sân hận.**

**Tu Bồ Đề! Nhớ lại kiếp quá khứ, ta làm tiên nhĩn nhục trải qua năm trăm đời, những đời ấy đều vô**

*ngã tướng, nhọn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng. Tu Bồ Đề! Vì thế Bồ tát phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phải lìa tất cả tướng. Chẳng nên sanh tâm trụ nơi sắc, và cũng chẳng nên sanh tâm trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên sanh tâm vô sở trụ; nếu tâm có trụ tức là phi trụ, thì danh tâm trụ.*

*Cho nên Như Lai nói tâm của Bồ tát chẳng nên trụ nơi sắc bố thí, chẳng nên trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ tát vì lợi ích tất cả chúng sinh, cần phải bố thí như thế. Như Lai nói Tất cả các tướng tức là phi tướng, lại nói Tất cả chúng sinh tức phi chúng sinh.*

*Tu Bồ Đề! Như Lai là người chơn ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất cưỡng ngữ, bất dị ngữ. Tu Bồ Đề! Pháp của Như Lai chứng đắc, ấy là pháp vô thật vô hư.*

*Tu Bồ Đề! Nếu tâm của Bồ tát trụ nơi pháp mà hành việc bố thí, thì cũng như người vào chỗ tối chẳng thấy gì cả. Nếu tâm của Bồ tát chẳng trụ nơi pháp mà hành việc bố thí, thì cũng như người có mắt dưới ánh sáng mặt trời, tất cả thấy rõ đủ thứ sắc tướng.*

*Tu Bồ Đề! Về đời sau này, nếu có thiện nam tín nữ thọ trì, đọc tụng Kinh này, thì trí huệ của Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đều được thành tựu công đức vô lượng vô biên.*

Lược Giải

Sáu phương cách thực hành của người tu Đại thừa để đến bờ bên kia, bờ của giải thoát, gồm có: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí tuệ. Trong đoạn kinh này, đức Phật nhắc đến bố thí và nhẫn nhục. Ngài đã nói và giảng nghĩa rõ ràng chúng ta không phải lược giải nữa. Chúng ta nên để ý đến nếu dấu hiệu “tham, sân” nổi lên tức chứng tỏ chúng ta còn “bốn tướng.”

Lời nói của đức Phật được phân loại làm năm ngữ: Chơn ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất cuống ngữ, bất dị ngữ.

Phật thuyết chơn ngữ là nghĩa chung với nhị thừa (có Sanh tử để diệt, có Niết bàn để chứng), thật ngữ là nghĩa chung với Bồ tát (nghĩa đại thừa, Sanh tử Niết bàn đều như hoa đóm trong hư không), như ngữ là nghĩa chung với tam thừa (trí huệ chẳng thể suy lường, lời nói chẳng thể diễn tả), bất cuống ngữ: chẳng dối tức là vô hư; bất dị ngữ: thấy trước việc chưa đến gọi là bất dị, tức là vô thật, nên Phật nói pháp ấy là vô thật vô hư.

Đức Phật cho thêm ví dụ để so sánh giữa tâm thực hành pháp trụ và không trụ như sau: *Nếu tâm của Bồ tát trụ nơi pháp mà hành việc bố thí, thì cũng như người vào chỗ tối chẳng thấy gì cả. Nếu tâm của Bồ tát chẳng trụ nơi pháp mà hành việc bố thí, thì cũng như người có mắt dưới ánh sáng mặt trời, tất cả thấy rõ đủ thứ sắc tướng.* Cho nên chúng ta không còn ngạc nhiên nữa khi Lục Tổ Huệ Năng nghe câu “ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” dịch nghĩa là “không nên trụ

vào đầu để sinh tâm” (sinh cái biết) ngài ngộ ngay và đi tìm đến Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn để học đạo.

**XIII. - Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam tín nữ, buổi sáng bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi trưa lại bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi chiều cũng bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, cứ bố thí thân thể như thế cho đến vô lượng trăm, nghìn, muôn ức kiếp. Với người nghe kinh điển này lòng tin vững chắc, thì được phước nhiều hơn người kia, huống chi lại còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng giải cho người khác nghe.**

**Tu Bồ Đề! Nói tóm lại, Kinh này có công đức vô biên, bất khả tư nghĩ, chẳng thể suy lường. Như Lai vì người phát tâm đại thừa và người phát tâm tối thượng thừa mà thuyết. Nếu có người nào hay thọ trì đọc tụng, phổ biến cho người, thì Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy đều được thành tựu vô biên công đức, bất khả tư nghĩ, chẳng thể suy lường. Những người như thế mới là gánh vác được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai. Tại sao? Tu Bồ Đề! Nếu người ưa pháp Tiểu thừa, dính mắc ngã kiến, nhơn kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến (chẳng ngoài sáu mươi hai kiến chấp), thì chẳng thể tin thọ, đọc tụng Kinh này và giảng giải cho người khác nghe.**

**Tu Bồ Đề! Bất cứ nơi nào, nếu có Kinh này, tất cả thế gian, trời, người, A Tu La, đều nên cúng dường. Phải biết chỗ đó chính là tháp Phật, đều nên cung kính lễ bái, dùng các thứ hương hoa rải quanh chỗ đó.**



## Lược giải

Tóm tắt đoạn này, đức Phật nói kinh này có công đức vô biên, bất khả tư nghì, chẳng thể suy lường. Đến đây, đức Phật mới tuyên bố: Như Lai vì người phát tâm đại thừa và người phát tâm tối thượng thừa mà thuyết. Nếu có người nào hay thọ trì đọc tụng, phổ biến cho người, thì Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy đều được thành tựu vô biên công đức, bất khả tư nghì, chẳng thể suy lường. Lời dạy của đức Phật quá rõ ràng, chúng ta không cần phải lược giải nữa.

***XIV. - Lại nữa, Tu Bồ Đề! Như thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng Kinh này, nếu bị người khinh rẽ, thì những nghiệp nhân đời trước đáng lẽ phải đọa ác đạo, vì nay bị người đời khinh rẽ, nên những nghiệp nhân đời trước liền được tiêu diệt, lại còn được đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.***

***Tu Bồ Đề! Ta nhớ đời quá khứ, trước Phật Nhiên Đăng vô lượng vô số kiếp, được gặp tám trăm bốn nghìn muôn ức na do tha chư Phật, ta đều cúng dường thờ phụng, chẳng bỏ sót Phật nào. Lại, nếu có người đời mạt kiếp hay thọ trì đọc tụng Kinh này, được nhiều công đức, đem công đức cúng dường chư Phật của ta so với công đức ấy, chẳng bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn ức, cho đến toán số, thí dụ đều chẳng thể sánh bằng.***

***Tu Bồ Đề! Nếu ở đời mạt kiếp, có thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng Kinh này, được công đức vô lượng. Nếu ta kể ra hết, hoặc có người nghe rồi tâm liền cuồng loạn, nghi ngờ chẳng tin. Tu Bồ Đề! Phải biết***

***ý nghĩa Kinh này bất khả tư nghì, quả báo cũng bất khả tư nghì.***

Lược giải

Đoạn này có một chi tiết bất khả tư nghì, chúng ta chưa bao giờ được đọc trong các kinh khác. Đó là: ***Như thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng Kinh này, nếu bị người khinh rẽ, thì những nghiệp nhân đời trước đáng lẽ phải đọa ác đạo, vì nay bị người đời khinh rẽ, nên những nghiệp nhân đời trước liền được tiêu diệt, lại còn được đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.***

Ngoài ra, tóm tắt đoạn này đức Phật dạy rằng: Thời mạt pháp hành giả thọ trì và đọc tụng kinh này rồi lấy công đức cúng dường chư Phật thì công đức bất khả tư nghì (không thể suy nghĩ được.) Ngoài ra, ý nghĩa và quả báo của kinh này cũng bất khả tư nghì. Đã là bất khả tư nghì thì chúng ta không phải nhọc công phí sức một cách vô ích để luận bàn.

***XV. Lúc bấy giờ, Tu Bồ Đề thưa rằng:***

***- Bạch Thế Tôn! Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trụ tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?***

***Phật bảo Tu Bồ Đề: - Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên sanh tâm như thế này: Ta phải diệt độ cho tất cả chúng sinh, diệt độ tất cả chúng sinh rồi mà chẳng có một chúng sinh nào được diệt độ. Tại sao? Tu Bồ Đề!***

***Nếu Bồ tát có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng thì chẳng phải Bồ tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Vì thật chẳng có pháp gì để phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.***

***Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng?***

***- Bạch Thế Tôn, không. Theo con hiểu nghĩa của Phật nói, Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng thật chẳng có đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.***

***Phật bảo: - Đúng thế! Đúng thế! Tu Bồ Đề! Như Lai thật chẳng đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Nếu Như Lai có đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì Phật Nhiên Đăng chẳng thọ ký cho ta rằng: "Về đời sau người sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni." Bởi thật chẳng có đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta rằng: "Về đời sau người sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni." Tại sao? Nói Như Lai tức là các pháp như nghĩa. Nếu có người nói rằng Như Lai đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chẳng đúng như nghĩa. Tu Bồ Đề! Vì thật ra Phật chẳng đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Nói Như Lai đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong đó vô thật vô hư.***

***Cho nên Như Lai nói "Tất cả các pháp đều là Phật pháp." Tu Bồ Đề! Nói tất cả pháp, tức phi tất cả***

**pháp, thị danh tất cả pháp (tam luân). Tu Bồ Đề! Vì như thân người cao lớn đã kể trên, nghĩa là siêu việt số lượng.**

**Tu Bồ Đề thưa rằng:**

**- Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn, tức phi thân lớn, thị danh thân lớn (tam luân).**

**- Tu Bồ Đề! Bồ tát cũng như thế. Nếu nói rằng ta phải diệt độ vô lượng chúng sinh thì chẳng thể gọi là Bồ tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Thật chẳng có pháp gọi là Bồ tát. Cho nên Phật thuyết tất cả pháp vô ngã, vô nhơn, vô chúng sinh, vô thọ giả.**

**Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát nói rằng ta phải trang nghiêm cõi Phật thì chẳng thể gọi là Bồ tát. Tại sao? Vì Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm (tam luân).**

**Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát thông đạt pháp vô ngã thì Như Lai nói ấy mới gọi là Chơn Bồ tát.**

Lược giải:

Trong đoạn này có bốn ý chính mới:

(1) Như Lai tức là các pháp như nghĩa<sup>22</sup>: Như Lai tùy thuận phàm phu mặc áo xin ăn, là nói rõ chẳng chấp cái tướng của quả vị. Vì vậy, cho nên trong kinh đức Phật dạy: Như Lai tức là nghĩa của các pháp. Như Lai

---

<sup>22</sup> Câu chữ Việt Hán sau đây thường được phổ biến rộng rãi hơn: Như Lai giả thị chư pháp như nghĩa.

lấy Pháp thân thị hiện các huyễn tướng phàm phu ăn cơm mặc áo, chính là muốn cho phàm phu từ trên huyễn tướng của mỗi người thể nhận Pháp thân vốn đầy đủ của chính mình. **Chỉ đừng đuổi theo vọng, cần gì phải cầu cái chân ở ngoài cái vọng.** Nếu lại chấp cái chân, thì lại là ở trong cái chân nổi dậy cái vọng.

(2) Như Lai nói "Tất cả các pháp đều là Phật Pháp." Thật vậy, nếu trong tâm chúng ta lúc nào cũng nghĩ đến Phật Pháp thì dù chỉ một chiếc lá rơi cũng là bài học "vô thường." Cũng có bốn câu chữ Hán cùng nghĩa như trên:

Phật Pháp tại thế gian,  
Bất ly thế gian giác,  
Ly thế mịch Bồ đề<sup>23</sup>  
Cấp như tầm thổ giác.

Dịch ra Việt:

Phật Pháp tại thế gian  
Không lìa thế gian để biết  
Lìa thế gian không tìm thấy Bồ đề  
Như đi tìm sừng thỏ.

---

<sup>23</sup> Đại Luận nói: từ nhân đến quả có năm thứ Bồ đề: 1)- **phát tâm Bồ đề** tức là **thập tín vị**, 2)- **phục tâm Bồ đề** tức là **tam hiền vị**, 3)- **minh tâm Bồ đề** tức là từ **sơ địa đến thất địa**, 4)- **xuất đạo Bồ đề** tức là **bát địa đến thập địa**, 5)- **vô thượng Bồ đề** tức là **Như Lai quả vị**.

Câu này cũng bị một số Phật tử hiểu lầm, hay cố ý hiểu lầm cho rằng mọi sự chỉ ở thế gian, tìm cầu giải thoát viển vông làm gì. Người tu Phật phải nhìn mọi hiện tượng tại thế gian như là những bài học Phật Pháp.

(3) Nếu Bồ tát thông đạt pháp vô ngã thì Như Lai nói Bồ tát ấy mới gọi là Chơn Bồ tát. Câu này là một cách nói khác của câu Bồ tát nếu có bốn tướng thì chẳng phải Bồ tát.

(4) Nếu Bồ tát nói rằng ta phải trang nghiêm cõi Phật thì chẳng thể gọi là Bồ tát. Tại sao? Vì Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm. Đây là một cách nói của tam luân thường được đức Phật dùng nhiều nơi trong kinh này.

Bồ tát sở dĩ trang nghiêm cõi Phật là ý ở tại thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh, nên thượng cầu hạ hóa đều phải ly hết thấy tướng. Trong kinh Phật có chỗ nói: “Thượng không có đạo có thể thành, hạ không có chúng sinh có thể độ”. Ý này tức là thành Phật mà chẳng thấy tướng thành, độ sanh mà chẳng thấy tướng độ.

***XVI. - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có nhục nhãn chăng?***

***- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có nhục nhãn.***

***- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có thiên nhãn chăng?***

***- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có thiên nhãn.***

***- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có huệ nhãn chăng?***

- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có huệ nhãn.*
- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có pháp nhãn chẳng?*
- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có pháp nhãn.*
- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như Lai có Phật nhãn chẳng?*
- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có Phật nhãn.*
- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như số cát trong sông Hằng kia, Phật nói là cát chẳng?*
- *Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai nói là cát.*
- *Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Như có những sông Hằng nhiều bằng số cát trong một sông Hằng, rồi lại có cõi Phật nhiều bằng số cát trong những sông Hằng ấy, như thế có phải là nhiều chẳng?*
- *Bạch Thế Tôn, rất nhiều.*

*Phật bảo Tu Bồ Đề:*

- *Bao nhiêu thứ tâm niệm của chúng sinh trong cõi Phật ấy, Như Lai đều biết rõ. Tại sao? Như Lai nói các tâm, đều là phi tâm, thị danh là tâm (tam luân). Tại sao? Tu Bồ Đề! Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc (Phá chấp tâm là thật có).*

Lược Giải

*Thiên nhãn thông chẳng ngại,  
Nhục nhãn ngại chẳng thông.*

*Pháp nhãn hay quán tục (tục đế),  
Huệ nhãn thấu rõ không (chơn đế).  
Phật nhãn như ngàn nhật (mặt trời),  
Chiếu dị (khác) thể vẫn đồng.*

Như Lai vì có gì biết hết ư? Dưới câu Như Lai thuyết là tự mình đáp. Đáp rằng: tuy nói bao nhiêu thứ mà Như Lai biết nó thực chỉ bao gồm làm một thứ, chúng đều là chẳng phải tâm, chỉ là giả danh tâm mà thôi! Như Lai nói các tâm đều là “phi tâm” có nghĩa đều là vọng tâm, nên Như Lai mới dùng giả danh gọi là tâm. Vì giả danh chẳng thật nên ***tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc.***

***XVII. - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Nếu có người đem thất bửu chất đầy tam thiên đại thiên thế giới dùng để bố thí, người ấy nhờ nhân duyên đó, được phước đức nhiều chăng?***

***- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Người ấy nhờ nhân duyên đó, được phước đức rất nhiều.***

***- Tu Bồ Đề! Nếu phước đức có thật thì Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều. Vì phước đức vốn chẳng thật nên Như Lai nói được phước đức nhiều.***

Lược giải

Như chúng ta đã biết phước đức là pháp duyên sanh, đã do duyên hội mới sanh ra thì làm gì có thực. Nếu có thực liền chẳng phải duyên sanh, nếu chẳng phải duyên sanh thì phước đức liền không có đường nào để được nó, vì hết thủy pháp từ xưa đến nay không có cái



nào bỗng dung mà được, nên nói: “nếu phước đức có thực Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều”.

**XVIII. - Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ sắc thân đầy đủ thấy Phật chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không. Chẳng nên nhờ sắc thân đầy đủ mà thấy Phật. Tại sao? Như Lai nói sắc thân đầy đủ, tức phi sắc thân đầy đủ, thị danh sắc thân đầy đủ (tam luân).**

**- Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Có thể nhờ các tướng đầy đủ thấy Như Lai chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không. Chẳng nên nhờ các tướng đầy đủ mà thấy Như Lai. Tại sao? Như Lai nói các tướng đầy đủ, tức phi các tướng đầy đủ, thị danh các tướng đầy đủ (tam luân).**

Lược giải

Sắc thân đầy đủ có nghĩa là đầy đủ các tướng tốt. Tàm thường chỗ nói 32 tướng, 80 thứ hảo là ứng thân tướng hảo, còn báo thân tướng hảo như chỗ nói trong phẩm Tướng Hải ở kinh Hoa Nghiêm; “trên đỉnh đầu Như Lai có 32 bảo tràng<sup>24</sup> nghiêm tướng, khoảng lông mày, mắt, mũi, răng, môi, cổ, mỗi cái có một bảo tràng nghiêm tướng. Lưỡi có 4 tướng, miệng có 5 tướng, vai mặt 2 tướng, vai trái 3 tướng. Trước ngực 1 tướng tức là tướng chữ (vạn) cát tường. Phía trái phía mặt của

<sup>24</sup> Bảo tràng: nguyên nghĩa là cây cờ có nhiều vật và màu sắc rất quý; ở đây nên hiểu nghĩa đơn giản là “tốt đẹp quý báu.”

ngực có chung 10 tướng, tay trái tay mặt có chung 13 tướng, âm tạng một tướng, hai hông đất, hai vè, hai đùi cộng 6 tướng, lỗ chân lông 1 tướng, hai chân cộng 13 tướng”. Ở trên cộng lại là 97 thứ diệu tướng gọi là đại nhân tướng.

***XIX. - Tu Bồ Đề! Người chó nói Như Lai có nghĩ rằng "Ta phải có thuyết pháp," đừng nghĩ vậy. Tại sao? Nếu người nào nói Như Lai có thuyết pháp tức là phỉ báng Phật, chẳng hiểu lời nói của ta. Tu Bồ Đề! Nói thuyết pháp là không có pháp để thuyết, thị danh thuyết pháp (tam luân).***

***Bấy giờ, Huệ Mạng<sup>25</sup> Tu Bồ Đề thưa Phật rằng:***

***- Bạch Thế Tôn! Những chúng sinh đời vị lai nghe được pháp này sanh lòng tin chăng?***

***Phật bảo:***

***- Tu Bồ Đề! Những chúng sinh ấy là phi chúng sinh, phi bất chúng sinh. Tại sao? Tu Bồ Đề! Chúng sinh cho là chúng sinh, Như Lai nói phi chúng sinh, thị danh chúng sinh (tam luân).***

Lược giải

---

<sup>25</sup> Huệ Mạng: Pháp thân là thể của tự tánh, huệ mạng là dụng của tự tánh; sự nghiệp hoằng pháp độ sanh chẳng gián đoạn gọi là huệ mạng.

Tại sao vốn không thể thuyết? Vì có vốn không có pháp, đã vốn không có pháp thì làm sao có thể thuyết? Nên nói là vô pháp khả thuyết. Vì có gì? Vì hết thấy pháp đều là duyên sanh. Pháp là duyên sanh, thuyết cũng là duyên sanh, thì kẻ thuyết pháp cũng là duyên sanh. Đã gọi là duyên sanh thì chẳng phải không có pháp, chẳng phải là không thuyết, chẳng phải là không có kẻ thuyết. Thế nhưng duyên sanh vô tánh, đương thể tức không, nên tuy nghiệm nhiên có kẻ thuyết pháp, nhưng chính thuyết pháp như vậy thì không thể đắc một cái gì, đây gọi là vô sở thuyết, có nghĩa là thuyết tức là không thuyết. Nếu cho là có chỗ thuyết, ấy là chẳng biết nó là duyên sanh mà chấp cho là thực. Hiểu được nghĩa duyên sanh liền biết pháp vốn không có pháp, nên thuyết tức là không thuyết.

Huệ Mạng: Pháp thân là thể của tự tánh, huệ mạng là dụng của tự tánh; sự nghiệp hoằng pháp độ sanh chẳng gián đoạn gọi là huệ mạng.

### ***XX. Tu Bồ Đề thưa rằng:***

***- Bạch Thế Tôn! Phật đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là vô sở đắc chăng?***

***- Đúng thế! Đúng thế! Tu Bồ Đề! Ta ở nơi pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thật chẳng đắc một chút gì cả, thị danh Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (tam luân).***

Lược giải

Chắc hẳn chúng ta không cần lược giải đoạn này vì chúng ta đã quen với cách dạy tam luân này của đức Phật. Quý đạo hữu tự lược giải giùm.

***XXI. - Lại nữa, Tu Bồ Đề! Pháp ấy bình đẳng, chẳng có cao thấp, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì vô ngã, vô nhơn, vô chúng sinh, vô thọ giả mà tu tất cả thiện pháp, thì liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Như Lai nói thiện pháp tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp (tam luân).***

Lược giải

Tánh thể (cũng gọi là Phật tánh) người người vốn đầy đủ, không người nào là chẳng có, chỉ vì vọng tưởng (tức là phân biệt) chấp trước, nên tánh thể không thể hiển bày nói theo ngôn ngữ thông thường là không chứng đắc. Đức Phật xuất hiện ở thế gian là chính vì một đại sự nhân duyên này vậy. Phật thuyết kinh này cũng vì một đại sự nhân duyên này vậy. Từ bắt đầu cuốn kinh đến nay, ngàn muôn lời nói, nói ngang, nói dọc, mở lộ ra từng tầng, từng tầng, rửa chải từng tầng từng tầng, ấy là đích xác rửa sạch một cái “bồn lai diện mục” đem ra, khiến đại chúng thể nhận. Thể nhận rõ ràng mới biết rằng nếu chẳng chiếu theo các nghĩa chỗ thuyết ở trên để tu một cách thiết thực, chân chánh thì chẳng thể chẳng đắc. Vì lý do, tánh thể tuy vốn đầy đủ, nhưng bị phân biệt chấp trước làm cho dơ bẩn mà chẳng còn là bồn lai diện mục nữa.

***XXII. - Tu Bồ Đề! Nếu có người đem thất bửu chất đầy bằng núi Tu Di chứa trong tam thiên đại thiên***

*thế giới dùng để bố thí, với người thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa này, cho đến chỉ hành theo bốn câu kệ, và giảng giải cho người khác nghe, thì phước đức bố thí so với phước đức thọ trì chẳng bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn ức, cho đến toán số thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng.*

Lược giải:

Bố thí bằng châu báu dầu cho có nhiều bao nhiêu chẳng nữa thì người thọ nhận cũng chỉ thoả mãn tham ái trong đời này mà thôi, không thể đem theo châu báu đó sang kiếp tiếp theo. Do đó, phước báu của người cho cũng là giới hạn. Trong lúc đó, pháp thí nhất là phương pháp tu tập rút từ kinh Kim Cang ra, một kinh mà chư Phật, chư Bồ tát dựa nơi đó để tu đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác, hẳn nhiên công đức của người bố thí pháp phải là bất khả tư nghì.

**XXIII. - Tu Bồ Đề! Các người chớ cho Như Lai có nghĩ rằng "Ta phải độ chúng sinh." Tu Bồ Đề, đừng nghĩ vậy! Tại sao? Thật chẳng có chúng sinh mà Như Lai độ. Nếu nói Như Lai có độ chúng sinh, thì Như Lai mắc vào bốn tướng ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả. Tu Bồ Đề! Như Lai nói có ngã tức phi có ngã, mà phàm phu chấp là có ngã. Tu Bồ Đề! Như Lai nói phàm phu tức phi phàm phu, thị danh phàm phu (tam luân).**

Lược giải

Chúng ta đưa ra những nhận xét như sau:

1) Nếu có ý niệm độ sanh liền có chúng sinh sở độ, có ngã năng độ, năng và sở là tương đối đãi, tức là phân biệt, tức là chấp trước. Phật chứng bình đẳng nhưt chân pháp giới nên gọi là Như Lai. Nếu có phân biệt chấp trước, sao gọi là Như Lai? Nên bảo Như Lai làm việc độ sinh, thì thực không có lý. Đây là theo bình đẳng pháp giới để tỏ rõ nghĩa, lại cũng là theo bên Như Lai mà nói.

2) Lại theo bên chúng sinh mà nói: Sao gọi là chúng sinh? Chẳng qua là ngũ uẩn nhóm họp lại mà thôi, là pháp duyên sanh, mà đã là duyên sanh thì không có tự tánh nên gọi là Không. Xin nhắc lại Không này không phải là không đối nghịch với có. Nếu có niệm độ sanh há chẳng phải là không hiểu rõ duyên sanh, chấp pháp ngũ uẩn là thực có ư? Có pháp chấp liền có ngã chấp, há Như Lai đã từng có ngã pháp hai chấp như thế ư? Nên bảo Như Lai làm niệm này: “ta phải độ chúng sinh”, thì thực không có lý. Đây là theo duyên sanh thể không để tỏ rõ nghĩa.

3) Chúng sinh sở dĩ thành chúng sinh vì có có niệm, chúng sinh sở dĩ đắc độ vì có vô niệm, thế nên gọi là **độ sanh là chỉ khiến ly niệm mà thôi**. Nếu Phật độ sanh mà có niệm, thì Phật tự mình còn chưa độ, sao có thể độ sanh ư? Nên bảo Như Lai làm niệm này: “ta phải độ chúng sinh” thì thực không có lý. Đây là theo ly niệm gọi là độ để tỏ rõ lý.

4) Phật độ chúng sinh chẳng qua là tăng thượng duyên của chúng sinh, mà chúng sinh tự mình phát tâm lớn, hành nguyện lớn thực là cái nhân làm chủ. Nếu không có nhân làm chủ thì tuy có tăng thượng duyên, chúng sinh cũng không theo đâu mà được độ. Thế nên chúng sinh đắc độ thực ra chúng sinh tự độ mà thôi! Phật không có cái kiến là Phật độ chúng sinh. Nên bảo Như Lai làm niệm này: “ta phải độ chúng sinh” thì thực không có lý. Đây là theo nhân thân, duyên sơ để tỏ rõ nghĩa. Tóm bốn nghĩa này nên mới có chúng sinh, Như Lai, độ giả, còn Phật thực không có niệm này vậy.

**XXIV. -Tu Bồ Đề! Ý ngươi thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai chăng?**

**Tu Bồ Đề đáp:**

**- Đúng thế! Đúng thế! Có thể dùng ba mươi hai tướng quán Như Lai.**

**Phật bảo Tu Bồ Đề:**

**- Nếu dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao? (Chuyển Luân Thánh Vương cũng có ba mươi hai tướng)**

**Tu Bồ Đề thưa rằng:**

**- Bạch Thế Tôn, như con hiểu ý nghĩa lời Phật, thì chẳng nên dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai.**

**Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:**

**Nhược dĩ sắc kiến ngã,  
Dĩ âm thanh cầu ngã,  
Thị nhơn hành tà đạo,  
Bất năng kiến Như Lai.**

Dịch ra Việt:

**Nếu dùng sắc thấy ta,  
Dùng âm thanh cầu ta.  
Là người hành tà đạo,  
Chẳng thể thấy Như Lai.**

Lược giải

Đức Phật dạy không thể dùng hình tướng để thấy Như Lai. Câu kệ đức Phật nói ra là ngay cả dung âm thanh, sắc tướng ... nói chung là dung bất cứ pháp hữu vi nào cũng không thể thấy Như Lai. Chử thấy Như Lai ở đây có nghĩa là chứng Pháp thân.

Chử Ta ở đây là tự tánh Phật. Tự tánh bất nhị, chẳng có năng sở, nên chẳng phải sở thấy sở cầu. Nếu đuổi theo căn trần để thấy để cầu là hành theo tà đạo, chẳng thể đạt đến kiến tánh. Vì sao? Vì không thể dùng vọng tâm (tướng) để kiến tánh, thành Phật. Làm như thế chẳng khác nào nấu cát (vọng) để mong thành cơm (chơn) như đức Phật cũng đã dạy trong kinh Thủ Lăng Nghiêm.



**XXV. - Tu Bồ Đề! Nếu người nghĩ rằng: "Như Lai vì chẳng nhờ tướng đầy đủ mới đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác," Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như vậy! Nói Như Lai vì chẳng nhờ tướng đầy đủ mới đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chẳng đúng.**

**Tu Bồ Đề! Nếu người nghĩ như thế thì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là nói các pháp đoạn diệt sao! Đừng nghĩ vậy. Tại sao? Vì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nơi pháp chẳng nói tướng đoạn diệt.**

Lược Giải

Phần trước đây đức Phật dạy "Chẳng nên nhờ các tướng đầy đủ mà thấy Như Lai" là phá chấp sắc tướng. Bây giờ đức Phật lại dạy "Chớ nên nghĩ rằng Như Lai vì chẳng nhờ tướng đầy đủ mới đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác" là phá chấp phải lìa sắc tướng. Vì chấp sắc tướng và chấp lìa sắc tướng đều chẳng thể đạt đến kiến tánh. Phá chấp tướng không có nghĩa là đoạn diệt mà chỉ để nói lên các pháp (tướng) đều vô ngã.

**XXVI. - Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát đem tất bửu chất đầy những thế giới như số cát sông Hằng dùng để bố thí, với Bồ tát biết tất cả pháp vô ngã, được thành tựu pháp nhẫn (lòng tin vững chắc), thì Bồ tát này được công đức hơn Bồ tát kia. Tại sao? Tu Bồ Đề, vì các Bồ tát này chẳng thọ phước đức việc làm của họ.**

**Tu Bồ Đề thưa rằng:**

**- Bạch Thế Tôn! Sao nói Bồ tát chẳng thọ phước đức?**

**- Tu Bồ Đề! Vì Bồ tát làm việc phước đức chẳng sanh khởi lòng tham, cho nên nói chẳng thọ phước đức.**

Lược giải

Phàm phu còn chấp bốn tướng nên làm việc phước đức để mong cầu thọ phước trong các kiếp về sau. Riêng các vị Bồ tát không còn bốn tướng nên không khởi lòng tham cho nên quý ngài đâu có thọ phước báu.

**XXVII. - Tu Bồ Đề! Nếu có người nói rằng "N hư Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm" thì người ấy chẳng hiểu được ý nghĩa lời ta nói. Tại sao? Vì Như Lai chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai.**

Lược Giải

Tự tánh cùng khắp không gian và thời gian, khắp không gian thì chẳng có khứ lai, nên gọi là Như Lai, khắp thời gian thì chẳng có gián đoạn (chẳng có sanh diệt), nên gọi là Niết bàn.

**XXVIII. - Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam tín nữ, đem cõi tam thiên đại thiên thể giới nghiền nát ra thành vi trần, ý người thế nào? Những vi trần chúng có phải nhiều chăng?**

**Tu Bồ Đề thưa rằng:**

**- Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Tại sao? Nếu những vi trần chúng là thật có thì Phật chẳng nói là vi trần chúng. Tại sao? Vì Phật nói vi trần chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng (tam luân). Bạch Thế Tôn! Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới. Tại sao? Nếu thế giới thật có, tức là tướng hợp nhất. Như Lai nói tướng hợp nhất, tức phi tướng hợp nhất, đó gọi là tướng hợp nhất (tam luân).**

Lược giải

Như đã lược giải trong các đoạn trước, để dạy một vấn đề nào đó đức Phật phải dùng ngôn ngữ thế tục (danh tướng) để diễn tả, và ngay sau đó ngài phủ nhận (đứng trên quan niệm thế tánh) để cho tứ chúng khỏi chấp, rồi sau cùng xác nhận lời dạy ban đầu. Dùng chìa khóa này để mở và hiểu lời đức Phật dạy theo lối nói tam luân này.

**XXIX. - Tu Bồ Đề! Nếu có người nói Phật thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến là thật, Tu Bồ Đề! Ý người thế nào? Người ấy có hiểu được ý nghĩa lời ta nói chăng?**

**- Bạch Thế Tôn, không! Người ấy chẳng hiểu ý nghĩa của Như Lai nói. Tại sao? Như Lai nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến, nhơn kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, đó là ngã kiến, nhơn kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến (tam luân).**

**- Tu Bồ Đề! Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với tất cả pháp nên tri như thế, kiến như thế, tín giải như thế, chẳng sanh pháp tướng. Tu Bồ Đề! Như Lai nói pháp tướng, tức phi pháp tướng, đó là pháp tướng (tam luân).**

Lược giải

Trong kinh, phàm nói “thị danh” (tức là) đều là theo tướng mà nói, tức là theo nghĩa duyên khởi mà nói, phàm nói “tức phi” (tức không là) đều là theo tánh mà nói, cũng là theo nghĩa tánh không mà nói. Phải biết, Phật thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, ý là khiến người ta lĩnh hội ở kiến ngã nhân v.v... đều là huyễn tướng duyên khởi.

**XXX. - Tu Bồ Đề! Nếu có người đem thất bửu chất đầy vô lượng A Tăng Kỳ thế giới dùng để bố thí, với thiện nam tín nữ phát tâm Bồ Đề thọ trì đọc tụng Kinh này, cho đến chỉ hành theo bốn câu kệ, và giảng giải cho người khác nghe, thì phước đức hơn người kia. Vậy phải giảng giải như thế nào? Nên giảng giải như thế này: Như như bất động, chẳng nên chấp nơi tướng. Tại sao?**

**Nhất thiết hữu vi pháp,  
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,  
Như lộ diệc như điện,  
Ứng tác như thị quán.**

Dịch ra Việt:

*Tất cả pháp hữu vi,  
 Như mộng, huyễn, bọt, bóng,  
 Như sương mù, điện chớp,  
 Nên quán theo như thế. .*

*Phật thuyết Kinh này xong, trưởng lão Tu Bồ Đề với các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di và tất cả thế gian, trời, người, A Tu La, nghe lời Phật thuyết, đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.*

Lược Giải

Như Như Bất Động, chẳng nên chấp nơi tướng: Theo lời đức Phật thì hai chữ Như Như là như thật tế, là như bản thể của tự tánh. Hai chữ Bất Động chẳng phải đối với động mà nói bất động, vì tự tánh bất nhị, chẳng có biến chuyển nên nói bất động. Về bề mặt thì chẳng thể diễn tả, nếu tả theo bề trái thì chẳng động chẳng tịnh, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng một chẳng nhiều ... Nên chỉ có thể nói là Như Như Bất Động. Tất cả những đối đãi như động - tịnh, lớn - nhỏ, v.v... cho đến Bồ Đề - Niết bàn đều là tướng, chẳng chấp nơi tướng mới được gọi là Như Như Bất Động.

Ghi nhớ: đây là đức Phật dạy trên quan điểm của bậc đã thành đạo. Bồ tát trên đường tu tập không chấp tướng tức là nghĩa vô trụ. Có thể vô trụ, đến chỗ không trụ một chỗ nào liền chứng vô sanh, thoát ly vòng sanh tử luân hồi.

**Phần biên soạn và lược giải Kinh Kim Cang hết**

## Phần kết của lược giải

Tóm lại, chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu, học hỏi, để rồi thực hành, tức là áp dụng những lời Phật dạy vào cuộc sống để khi xả hóa, báo thân này sẽ không còn trở lại vòng sanh tử luân hồi nữa, ngoại trừ trở lại để làm hạnh nguyện Bồ tát. Hôm nay, cũng là ngày đánh dấu sự tu tập của chúng ta bước sang một giai đoạn mới, con đường mà ngài Lục tổ Huệ Năng gọi là **“Tối Thượng Thừa.”** Hôm nay cũng là ngày quý đạo hữu không còn dưới sự hướng dẫn của Thầy Đạo Tâm, mà là dưới sự hướng dẫn của một vị Thầy chuyên về thiền định Pháp danh **“Sa Môn Di Tùng Đại Nguyện,”** cùng họ Di với một số quý đạo hữu tu tập theo Thầy Đạo Tâm. Lâu nay, quý đạo hữu vẫn thắc mắc vì sao Thầy Đạo Tâm không lấy họ “Di.” Bí mật này được giữ đến ngày hôm nay mới tiết lộ là vì chúng ta sẽ thực hành **con đường Tối Thượng Thừa lấy Vô niệm làm Tông, Vô tướng làm thể, Vô trụ làm gốc.** Chúng ta sẽ được Thầy Đại Nguyện hướng dẫn.

Tên gọi cha mẹ đặt ra dùng ngoài thế tục, Pháp danh dùng để gọi nhau trong môi trường của Phật giáo, tất cả cũng chỉ là danh tự, phương tiện dùng để phân biệt trong pháp hữu vi mà thôi. Tùy theo hạnh nguyện mà có danh xưng khác nhau như ngài Quán Âm và ngài Chuẩn Đề, hay là tùy theo giai đoạn thực hành Phật Pháp mà có danh xưng khác nhau không có gì quan trọng. Quý đạo hữu có thể tiếp tục gọi Thầy Đạo Tâm hay kể từ nay gọi Thầy Đại Nguyện không có gì khác nhau. Thầy chỉ **tùng** theo Đại Nguyện của chư Phật và

Bồ tát mà cùng quý đạo hữu học tập và thực hành Phật Pháp mà thôi.

***Ghi nhớ điều này:*** Thầy Đạo Tâm đã từ lâu và đã nhiều lần nhắc nhở quý đạo hữu cốt tủy của pháp tu Tối Thượng thừa: “**đừng theo vọng tâm (bị lôi cuốn bởi sáu căn) tức là đang sống trong chơn tâm.**” Đừng theo vọng tâm là không trụ tướng hay nói cách khác là lìa tướng, và sống trong chơn tâm tức là “thấy Như Lai” ghi trong kinh Kim Cang. Ngoài ra, không nên bàn luận nhiều những kinh “bất khả tư nghị” như thầy Đạo Tâm đã ghi trong quyển sách “Giải thoát trong Hiện Kiếp.” Chỉ nên học hỏi những câu đức Phật dạy để thực hành. Khi đến nơi, mọi sự sẽ sáng tỏ cần gì phải luận bàn.

***Sa Môn Di Tùng Đại Nguyện***

***Biên soạn và Lược giải Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa***

***Mùa Hạ, 2014***

***Thực hành kinh Kim Cang:***

- Phá ngã chấp và pháp chấp (không còn bốn tướng.)
- Không phát tâm phân biệt (không chấp hai bên – trung quán.)
- Tâm không trụ vào các pháp.
- Luôn luôn quán các pháp không thật có.
- Trên đường tu hành, không nghĩ đến “đắc hay không đắc quả vị”, nếu có những hiện tượng tốt, nên chỉ xem là có tiến bộ, không phải thành thánh Phật gì cả.
- Giúp đỡ chúng sinh mà không trụ tướng để giúp đỡ.
- Thiên định: Cùng thực hành phương pháp Thiên định giống nhau, nhưng mỗi căn cơ sẽ “ngộ” khác nhau, nên hành giả cần tham khảo với vị Thầy, để tiến bộ hơn.